**Câu hỏi vận dụng triết học**

Câu 1:Vận dụng **nguyên tắc khách quan** trong nhận thức, học tập và rèn luyện bản thân?

Câu 2: Vận dụng triết học Mác - Lênin về **phương thức tồn tại của vật chất** với quá trình học tập của sinh viên?

Câu 3:Phát huy của **vai trò ý thức** của bản thân để chống lại bệnh **bảo thủ, trì trệ**, thụ động, thái độ tiêu cực và ỷ lại?

Câu 4 “**Trí tuệ nhân tạo**” có thể thay thế con người được không? Vì sao?

Câu 5: Sinh viên cần làm gì để chống lại tư tưởng thụ động, ỷ lại, bảo thủ, thiếu tính sáng tạo… của bản thân ?

Câu 6: Vận dụng tính **năng động, sáng tạo của ý thức** vào thực tiễn học tập của bản thân như thế nào?

Câu 7:Thành tựu nổi bật về chính sách **ngoại giao** của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay?

Câu 8: Giải pháp để khắc phục những **tư tưởng bảo thủ, trì trệ** và thái độ định kiến với cái mới trong tư duy của sinh viên Việt Nam hiện nay?

Câu 9: Sinh viên cần làm gì để phát huy tính **độc lập, rự chủ**, chủ động, tích cực… trong **nhận thức và học tập** của bản thân?

Câu 10: Một số giải pháp nhằm **phát triển nguồn nhân lực** chất lượng cao ở Việt Nam?

Câu 11: Vai trò của sinh viên trong việc **giữ gìn và phát huy nền văn hóa** Việt Nam tiên tiến , đậm đà bản sắc dân tộc?

Câu 12: Quá trình **hội nhập kinh tế** quốc tế của Việt Nam hiện nay?

Câu 13: Nguyên nhân thất nghiệp của một số bộ phận sinh viên sau khi tốt nghiệp Đại học,Cao đẳng của Việt Nam hiện nay?

Câu 14. Tác động của nền kinh tế thị trường đến học tập và làm việc sau này của sinh viên Việt Nam?

Câu 15. Những thành tựu của quá trình xây dựng kinh tế - xã hội trong **thời kỳ quá độ** lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?

Câu 16. Vận dụng quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về **lượng** dẫn đến thay đổi về **chấ**t và ngược lại vào trong quá trình học tập và hoạt động thực tiễn cuộc sống?

Câu 17.Vận dụng quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về l**ượng** dẫn đến thay đổi về **chất** và ngược lại với quá trình tích lũy kiến thức trong học tập của sinh viên. Giải pháp khắc phục những **khuyết điểm, hạn chế** của bản thân ?

Câu 18. Vận dụng quy luật **thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập** với việc học tập và hoạt động thực tiễn cuộc sống của sinh viên như thế nào?

Câu 19. Vận dụng quy luật về **sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập** vào học nhóm của sinh viên?

Câu 20. Vận dụng quy luật **phủ định của phủ định** đến tác động của hội nhập văn hóa tới Việt Nam hiện nay?

Câu 21. Thực tiễn ứng dụng những **thành tựu của cách mạng công nghiệp** 4.0 trong phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay?

Câu 22. Vận dụng lý luận **vai trò thực tiễn đối với nhận thức** để giải quyết vấn đề học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn của bản thân?

Câu 23. Vận dụng **vai trò của thực tiễn đối với nhận thức** vào gtrong quá trình học tập của sinh viên như thế nào?

Câu 24. Làm rõ những **thành tựu về khoa học** mà nhân loại đã đạt được trong giai đoạn cách mạng 4.0 hiện nay?

Câu 25: Liên hệ ngành nghề thế mạnh của địa phương bạn sinh sống để thấy được **vai trò của sản xuất vật chất** đối với sự phát triển của xã hội?

Câu 26. Sinh viên cần làm gì để góp phần phát triển **lực lượng sản xuất** ở nước ta trong giai đoạn hiện nay?

Câu 27. **Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng** ở Việt Nam trong giai đoạn quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa hiện nay?

Câu 28. Những **thành tựu** nổi bật về **kinh tế - xã hội** mà Việt Nam đã đạt được trong giai đoạn hiện nay?

Câu 29. Việt Nam lựa chọn con đường **quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội** bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa có phù hợp với quy luật khách quan hay không? Vì sao?

Câu 30: Trách nhiệm của sinh viên trước âm mưu: diễn biến hòa bình, gây bạo loạn… của các thế lực thù địch nhằm **chống phá vai trò lãnh đạo** của Đảng và chế độ XNCH mà Việt Nam đang xây dựng?

Câu 31: Vai trò của sinh viên trong việc đấu tranh, ngăn chặn âm mưu **chống phá của các thế lực thù địch** nhằm góp phần bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay

Câu 32: Làm rõ những **thành tựu** nổi bật về công tác **ngoại giao** của Việt Nam hiện nay?

Câu 33: Thành tựu về **đối ngoại** của nhà nước Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế ?

Câu 34: Tính ưu việt của Nhà nước XHCN mà nhân dân ta đang xây dựng?

Câu 35. Những tác động tiêu cực của nền **kinh tế thị trường** đến văn hóa, đạo đức của xã hội Việt Nam hiện nay?

Câu 36: Những thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay?

Câu 37: Vai trò của bản thân trong việc giữ gìn và phát huy **bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam** giai đoạn phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay ?

Câu 38: Sinh viên cần làm gì để tránh “nguy cơ tha hóa”, làm mất bản sắc dân tộc và đánh mất bản thân mình?

Câu 39: Trách nhiệm của sinh viên trong việc phòng, chống những biểu hiện của **chủ nghĩa cá nhân?**

Câu 40: Vai trò của **quần chúng nhân dân** trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở việt Nam?

Câu 41: Vai trò của **quần chúng nhân dân** trong phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" ở địa phương?

Câu 42: Anh (chị) cần làm gì để góp phần phát triển đất nước trong giai đoạn **hội nhập quốc tế** hiện nay?

Câu 43: Một số giải pháp phát huy nguồn lực con người trong **phát triển kinh tế - xã hội** Việt Nam hiện nay?

Câu 44. Ý nghĩa trong việc phát huy **nhân tố con người** ở nước ta hiện nay

**Câu 1:Vận dụng nguyên tắc khách quan trong nhận thức, học tập và rèn luyện bản thân?**

- **Vận dụng trong hoạt động nhận thức**

+ Góp phần xây dựng năng lực tư duy biện chứng.Cùng với các nguyên tắc toàn diện, nguyên tắc phát triển, nguyên tắc lịch sử; nguyên tắc khách quan tạo cơ sở cho việc xây dựng mộtphương pháp tư duy biện chứng khoa học và hiệu quả

+ Căn bệnh chủ quan duy ý chí:

Phép biện chứng duy vật không chỉ đối lập với phép biện chứng duy tâm, mà nó còn là phương tiện chủ yếu để khắc phục, ngăn ngừa các khuynh hướng tư duy dẫn đến nhận thức sai lầm các quy luật khách quan chi phối sự biến đổi của đời sống xã hội.

+ Về bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa:

Bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa là muốn nói đến những sai lầm trong phương pháp tư duy cũng như trong cải tạo thực tiễn. Thực chất của bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa là sự cường điệu hoặc tuyệt đối hoá kinh nghiệm, coi kinh nghiệm là “chìa khoá vạn năng” trong việc giải quyết những vấn đề của cuộc sống đặt ra.

**- Vận dụng trong học tập**

+ Trong nhận thức sinh viên phải phản ánh trung thực nội dung bản chất của sự vật, hiện tượng. Không được lấy ý kiến chủ quan, định kiến của mình áp đặt cho sự vật, hiện tượng.

+ Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy nhà trường

+ Khi đề bạt, tranh cử ban cán sự lớp phải đảm bảo tính công bằng, đánh giá trung thực năng lực của từng cá nhân

+ Khi đánh giá điểm rèn luyện của các bạn trong lớp nên thực hiện công khai, khách quan, tránh đánh giá theo cảm tính cá nhân.

+ Sinh viên phải trung thực trong các kì kiểm tra, phải tích cực ôn luyện và làm bài bằng kiến thức của mình. Không nên có hành vi quay cóp, chép bài

+ Bên cạnh đó, sinh viên phải lấy hiện thực khách quan làm cơ sở để đưa ra đường lối, chủ trương, kế hoạch, mục tiêu cho phù hợp.

+ Khi đưa ra phương pháp học tập cho bản thân, mỗi sinh viên phải xem xét kĩ lưỡng mới đưa ra một phương pháp học tập phù hợp, đúng đắn, đem lại hiệu quả cao.

- **Vận dụng trong rèn luyện bản thân**

Áp dụng nguyên tắc khách quan trong nhận thức vào cuộc sống không những giúp em có những đánh giá đúng bản chất sự việc, hiện tượng xung quanh mà còn giúp em có những mối quan hệ tốt hơn với mọi người. Nó góp phần định hướng, chỉ đạo các hoạt động nhân thức, hoạt động thực tiễn và cải tạo bản thân .

**Câu 2**: **Vận dụng triết học Mác - Lênin về phương thức tồn tại của vật chất với quá trình học tập của sinh viên?**

- Vận dụng triết học Mác-Lênin về phương thức tồn tại của vật chất với quá trình học tập của sinh viên :

+ Cố gắng học tập, rèn luyện chăm chỉ, lao động, có mục tiêu và học tập đúng đắn, để hình thành nên một thói quen tốt, học tập để mai sau xây dựng đất nước, hiểu được học tập là một việc yêu nước.

+ Quan tâm đến đời sống chính trị- xã hội của địa phương, đất nước, đồng thời Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; đồng thời vận động mọi người xung quanh cùng thực hiện theo đúng quy định của pháp luật

+ Rèn luyện đạo đức, tác phong, kỷ luật, lối sống trong sáng, lành mạnh, biết phân biệt và đấu tranh với những biểu hiện lối sống thực dụng, rời xa các văn hóa giá trị truyền thống, văn hóa xã hội của dân tộc.

+ Tích cực tham gia góp phần xây dựng quê hương bằng những việc làm thiết thực, phù hợp khả năng như: tham gia bảo vệ môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội, xoá đói giảm nghèo, chống tiêu cực, tham nhũng, tham gia những hoạt động mang tính xã hội như hiến máu tình nguyện, làm tình nguyện viên.

+ Biết phê phán, đấu tranh với những hành vi đi ngược lại lợi ích quốc gia, dân tộc.

**Câu 3**:**Phát huy của vai trò ý thức của bản thân để chống lại bệnh bảo thủ, trì trệ, thụ động, thái độ tiêu cực và ỷ lại?**

-Ý thức là toàn bộ hoạt động tinh thần của con người; là kết quả quá trình phản ảnh thế giới hiện thực khách quan vào trong đầu óc của con người một cách năng động và sáng tạo; là sản phẩm của quá trình phát triển lịch sử tự nhiên và xã hội

-Vai trò của ý thức là ở chỗ chỉ đạo các hoạt động của con người, có thể quyết định làm cho con người hành động đúng hay sai, thành công hay thất bại trên cơ sở những điều kiện khách quan nhất định. Do vậy, con người càng phản ánh đầy đủ, chính xác thế giới khách quan thì càng cải tạo thế giới có hiếu quả

- Bệnh bảo thủ, trì trệ, thụ động, thái độ tiêu cực và ỷ lại là khuynh hướng cường điệu vai trò quyết định của vật chất sùng bái sức mạnh của quy luật, hạ thấp vai trò của nhân tố chủ quan khuynh hướng dẫn đến bảo thủ, trì trệ, thụ động, ngại gian khổ, bó tay khuất phục trước khó khăn, trước hoàn cảnh khách quan. Biểu hiện của “bệnh” này là tình trạng ỷ lại, dựa dẫm, chờ đợi, ngại đối mặt, thậm chí cản trở cái mới, bằng lòng thỏa mãn với cái đã có – là bạn đồng hành với chủ nghĩa quan liêu, độc đoán và hậu quả tất yếu là làm cản trở, thậm chí còn kéo lùi sự phát triển. Không có sự tiến bộ mà chỉ đứng lại một chỗ, ỷ lại mà chưa có sự tự giác để hoàn thiện mọi mặt làm cho tốt đẹp và phát triển hơn

- Vai trò của ý thức của bản thân để chống lại bệnh bảo thủ, trì trệ, thủ động, thái độ tiêu cực và ỷ lại lại:

+ Tự nhận thức được bản thân của mình cần được tiến bộ và phát triển hoàn thiện bản thân, không dựa dẫm, ỷ lại phụ thuộc những thứ có sẵn mà phải tiếp thu những cái mới có ích để có sự hiểu biết giải quyết các vấn đề của bản thân

+ Tăng cường học tập, tích lũy kiến thức thực tế, tổng kết cái mới, không ngừng học hỏi, tham gia các hoạt động trường lớp ngoại khóa giao lưu với mọi người

+ Luôn tự giác, tích cực trong công việc thực hiện hoàn tất tốt nhất sẽ giúp bản thân càng ngày càng tốt, không cần phải đợi sự nhắc nhớ của những người xung quanh

+ Bản thân nên tích cực rèn luyện thói quên tốt, làm thời gian biểu và cố gắng thực hiện tốt, tích cực rèn luyện khả năng năng tự làm tự suy nghĩ không phụ thuộc một thứ gì đó và một ai đó trợ giúp Và phải có sự quyết tâm cao độ, quyết tâm chăm chỉ, quyết tâm loại bỏ sự lười biếng

+ Đừng làm cho bản thân theo nếp sống tiêu cực nó sẽ khiến ta mất niềm tiên vào cuộc sông, khi đứng trước khó khăn thử thách không dám đương đầu hoặc luôn chán nản gục ngã. Mà hãy luôn sống tích cực sẽ giúp ta vui vẻ, nhìn nhận từ vấn đề khó thành dễ dàng để thực hiện, người có thái độ tích cực luôn truyền được năng lượng tính cực cho người khác. Thái độ tích cực của cá nhân góp phần thúc đẩy xã hội phát triển, tiến bộ

Biết lắng nghe ý kiến mọi người, trao đổi và chia sẻ ý kiến của bản thân, đưa ra kết quả tốt nhất

**Câu 4 “Trí tuệ nhân tạo” có thể thay thế con người được không? Vì sao?**

Với tốc độ phát triển nhanh chóng của công nghệ robot và AI trong mọi lĩnh vực ngày nay, các nhà tuyển dụng có thể sử dụng máy móc tự động giúp công việc được xử lý một cách dễ dàng hơn, nhanh hơn và hiệu quả hơn. Trong khi đó những người lao động bình thường có thể lo sợ bị mất việc và bị thay thế bởi máy móc.Trí tuệ nhân tạo được thiết kế để thay thế lao động chân tay, nhưng nó không thể hoạt động giống con người hoàn toàn trong mọi công việc. Dưới đây là những lý do cho thấy con người vẫn vượt trội hơn máy móc ở nhiều khía cạnh quan trọng và do đó không thể bị thay thế hoàn toàn bởi AI.

1.TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÔNG CÓ TƯ DUY VÀ SUY NGHĨ ĐỘC LẬP

Bởi trí tuệ nhân tạo là loại trí tuệ không có tư duy. Chính vì không có tư duy nên nó không có mục đích của riêng chúng và nó chỉ có một mục đích duy nhất do người tạo ra nó ban cho nó mà thôi. Chừng nào con người còn hơn máy móc ở khả năng nhận thức thì chừng ấy, trí tuệ nhân tạo AI vẫn chưa thể thay thế hoàn toàn trí tuệ con người trong mọi lĩnh vực được

2. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÔNG CÓ CẢM XÚC NHƯ CON NGƯỜI

Trí thông minh cảm xúc là một trong những yếu tố quan trọng nhất làm nên con người và không thể thiếu trong môi trường làm việc, cần thiết cho mọi công việc đặc biệt là khi giao dịch với khách hàng,Con người là sinh vật sống theo xã hội và luôn có nhu cầu kết nối cảm xúc với đồng loại, có thể thông qua sự tương tác về hóa học, sinh học do hormone và cảm xúc giữa mọi người với nhau. AI không có đặc tính này vì chúng được cấu tạo từ máy móc, phần mềm và chip, không có các tế bào sinh học. Những người chủ sử dụng lao động đều hiểu rõ tầm quan trọng của cảm xúc trong môi trường làm việc, bao gồm cảm xúc của nhân viên và cả khách hàng. Máy móc không thể tạo ra sự kết nối sâu sắc như vậy giống như con người. Kể cả khi robot AI được lập trình để phản ứng với con người một cách tốt nhất thì bản thân con người sẽ không bao giờ nảy sinh mối liên hệ cảm xúc mạnh mẽ đối với một cỗ máy. Do đó AI không thể thay thế hoàn toàn con người vì sự kết nối cảm xúc với nhau là yếu tố cần thiết để công việc được hoàn thành và phát triển. Đối với những công việc đòi hỏi sáng tạo, AI vẫn còn thua xa con người cũng vì lý do như trên: chúng chỉ có thể làm việc với dữ liệu được cung cấp sẵn. Nói cách khác, AI không thể nghĩ ra những ý tưởng hay cách làm việc mới mà luôn bị giới hạn trong các khuôn mẫu nhất định.

3. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG SÁNG TẠO

Sự sáng tạo là yếu tố quan trọng ở nơi làm việc đối với cả nhân viên và người chủ sử dụng lao động. Sáng tạo mang lại cảm giác thú vị khi tạo ra những điều mới mẻ và khác biệt thay vì những hành động lặp đi lặp lại nhàm chán vốn là sở trường của AI. Sáng tạo là nền tảng cho sự đổi mới và phát triển.

4. TRÍ TUỆ NHÂN TẠO KHÔNG CÓ KĨ NĂNG MỀM

Kỹ năng mềm là điều bắt buộc phải có đối với mọi nhân viên ở mọi nơi làm việc, bao gồm khả năng hợp tác và làm việc nhóm, quan sát và học hỏi, tư duy phản biện và sáng tạo, kỹ năng giao tiếp, v.v. Các kỹ năng này vô cùng quan trọng đối với mọi lĩnh vực và con người phải học hỏi phát triển chúng thường xuyên để làm việc hiệu quả. Tất cả mọi vị trí làm việc đều cần kỹ năng mềm, từ công nhân lao động tay chân tới giám đốc điều hành doanh nghiệp. Những người thành thạo kỹ năng này sẽ có ưu thế lớn so với người khác và cả AI.Ngược lại, máy móc hiện nay hầu như không biết gì về kỹ năng mềm vì để phát triển các kỹ năng này cần phải có bộ não với trình độ tư duy và trí tuệ cảm xúc cao.

Sẽ không có trí tuệ nhân tạo nếu không có trí thông minh tự nhiên của con người. Khái niệm “trí tuệ nhân tạo” có nghĩa là trí tuệ do con người tạo ra, từ các đoạn mã lập trình cách hoạt động cho tới dữ liệu nhập vào đều là do con người thực hiện, và cuối cùng máy móc cũng được vận hành bởi con người. Sẽ không có trí tuệ nhân tạo nếu không có trí thông minh tự nhiên của con người. Khái niệm “trí tuệ nhân tạo” có nghĩa là trí tuệ do con người tạo ra, từ các đoạn mã lập trình cách hoạt động cho tới dữ liệu nhập vào đều là do con người thực hiện, và cuối cùng máy móc cũng được vận hành bởi con người. Khi các công việc dành cho AI ngày càng mở rộng thì công việc cho con người cũng tăng lên, vì phải có người để thiết kế quy trình làm việc cho máy, sản xuất các bộ phận của máy, vận hành và bảo trì chúng – chỉ có con người mới làm được những việc này. Do đó chắc chắn con người sẽ không bao giờ để mất vị trí của mình do máy móc thay thế.

**Câu 5: Sinh viên cần làm gì để chống lại tư tưởng thụ động, ỷ lại, bảo thủ, thiếu tính sáng tạo… của bản thân ?**

- Ở đại học, sinh viên không chỉ tiếp thu kiến thức chung và cơ bản, mục đích chính là thu thập kiến thức, kỹ năng và thái độ với nghề và phát triển các phẩm chất của một chuyên gia trong một nghề.

- Bên cạnh những đặc điểm tích cực ấy, điểm tiêu cực không tốt ....Tính lười nhác, ỷ lại làm sinh viên sao nhãng việc học, lãng phí thời gian, hạn chế sự sáng tạo. Thay vì bỏ thời gian học hỏi những kiến thứ, kỹ năng, thì một bộ phận sinh viên lại đắm mình trong thế giới ảo. Dành nhiều thời gian cho cuộc sống viễn tưởng khiến cho sinh viên chểnh mảng trong việc học, buông thả cuộc sống thực, quên đi việc rèn luyện, trau dồi kiến thức, kỹ năng cho bản thân.Lười nhác thường xuyên làm sinh viên thụ động trong việc tư duy sáng tạo, hình thành thói quen lười suy nghĩ, điều này rất đáng lo ngại vì sinh viên là bộ phận rất cần sự sáng tạo để phục vụ trong việc học và công việc tương lai. Dành thời gian để “ duy trì trạng thái thụ đông”, làm hạn chế các hoạt động thực tế: giao tiếp, giao lưu, học hỏi từ cuộc sống xung quanh. Việc đó ảnh hưởng đến khả năng giao tiếp, ứng xử làm mất đi kỹ năng mềm để phục vụ quá trình học tập. Nghiên cứu cho thấy thụ động càng nhiều thì càng dễ bị ảnh hưởng bởi các vấn đề tiêu cực, thậm chí có thể dẫn đến trầm cảm. Tất nhiên khi sức khỏe bị ảnh hưởng, thì mọi hoạt động đều bị ảnh hưởng, bao gồm cả quá trình học tập

**1. Biện pháp từ mỗi cá nhân**

- Cần sắp xếp thời gian hợp lí, cân bằng được việc học tập và giải trí, chỉ sử dụng khi rảnh rỗi hay có nhu cầu xả stress.

- Cá nhân hãy có ý thức đối với việc học của mình, không để những chuyện ngoài lề ảnh hưởng đến tâm trí, hành động, có nhận thức đúng đắn về những tác động tiêu cực.

- Sử dụng mxh đúng việc, đúng mục đích để phát huy tối đa lợi ích cho kết quả học tập.

- Tham gia các hoạt động thực tế, tăng khả năng giao tiếp ứng, ứng xử, nâng cao kỹ năng, gắn kết các mối quan hệ thực tế

- Dám dấn thân nếu bạn tự tin vào ý tưởng và khả năng của mình, bạn dám đương đầu với thất bại phát huy năng lực thì trình độ của bạn sẽ được nâng tầm và hoàn thiện hơn.

- Không ỷ lại nếu bạn cứ ỷ lại và thụ động, không muốn động não khi giải quyết vấn đề thì khả năng sáng tạo của bạn sẽ dần biến mất. Vì thế, hãy là người nhanh nhẹn, chủ động, đừng che giấu khả năng của mình, bạn sẽ nhận được nhiều thành công hơn.

**2. Biện pháp từ xã hội**

- Gia đình cần dành thời gian quan tâm của con cái

- Xã hội cũng cần có những định hướng để giúp đỡ giới trẻ, đặc biệt là các bạn

sinh viên tham gia các hoạt động thiết thực có ích cho mình và cộng đồng. Đẩy mạnh và nâng cao công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nhận thức của sinh viên về các vấn đề chính trị và xã hội sẽ dần dần giúp sinh viên có đủ can đảm để đối phó với thông tin được tiếp nhận từ nhiều khía cạnh các nhau

**Câu 6: Vận dụng tính năng động, sáng tạo của ý thức vào thực tiễn học tập của bản thân như thế nào?**

Chúng ta phải phát huy tính năng động sáng tạo của ý thức, phát huy vai trò của nhân tố con người, chống tư tưởng, thái độ thụ động, ỷ lại, ngồi chờ, bảo thủ, trì trệ, thiếu tính tưởng, coi trọng giáo dục lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, phải giáo dục và nâng cao trình độ tri thức khoa học, củng cố, bồi dưỡng nhiệt tình, ý chí cách mạng cho bản thân mỗi người, nhất là trong điều kiện nền văn minh trí tuệ, kinh tế tri thức, toàn cầu hóa hiện nay; coi trọng việc giữ gìn, rèn luyện phẩm chất đạo đức, bảo đảm sự thống nhất giữa nhiệt tình cách mạng và tri thức khoa học.

**Câu 7:Thành tựu nổi bật về chính sách ngoại giao của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay?**

- Đảng ta đã có những chủ trương, chỉ đạo đúng đắn cho công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trên tất cả các trụ cột: đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân.

- Củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi phát triển đất nước

- Hội nhập kinh tế quốc tế có nhiều đột phá

- Vị thế quốc tế của đất nước không ngừng tăng cao

- Bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

- Chăm lo cộng đồng phát huy mạnh nguồn lực của kiều bào

- Công tác ngoại giao y tế ngoại giao vaccine kịp thời hiệu quả

**Câu 8: Giải pháp để khắc phục những tư tưởng bảo thủ, trì trệ và thái độ định kiến với cái mới trong tư duy của sinh viên Việt Nam hiện nay?**

- Giải pháp để khắc phục những tư tưởng bảo thủ trì trệ vŕ thái độ định kiến với cái mới trong tư duy của sinh viên Việt Nam hiện nay

- Muốn chống những tư tưởng, trì trệ bảo thủ trong hành động, ta phải đổi mới tư duy. Đổi mới được tư duy thì việc dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm như một hệ quả, kết quả, động lực tất yếu bên trong. Cơ sở để thực hiện đổi mới tư duy, đấu tranh chống cái cũ, chống bảo thủ trì trệ, chống giáo điều rập khuôn đó là :chúng ta phải thực hiện dân chủ vì trang bị cho mình phong cách tư duy khoa học

- Để khắc phục định với cái mới trong tư duy, ta cần cáìch giảm thiểu định kiến của bản thân vì cố gắng loại bỏ định kiến trên phương diện xă hội. Bằng cách có thể vượt qua định kiến bằng cách thách thức khuynh hướng của bản thân, tăng cường liên kết xã hội, vŕ giải quyết định kiến theo hướng lành mạnh

- Để khắc phục những tư tưởng bảo thủ trong bản thân ta phải hạ thấp những định kiến cảu bản thân tích cực tiếp thu nhũng tư tưởng tích cực mới từ người khác từ bên ngoài từ xã hội tuy nhiên ta phải biết tiếp thu những điều có chọn lọc để tránh khỏi những tư tưởng thù địch đang rình rập

- Tăng cường kiến thức của bản thân bằng việc học tập, nâng cao tư tưởng bằng cách học tập tư tưởng phong cách Hồ Chí Minh

- Nâng cao tinh thần yêu nước nuôi ý chí phấn đấu gạc bỏ những định kiến của xã hội

**Câu 9: Sinh viên cần làm gì để phát huy tính độc lập, rự chủ, chủ động, tích cực… trong nhận thức và học tập của bản thân?**

- Đầu tiên sinh viên cần nhận thức rõ được tầm quan trọng của độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực. Vì nó là tiền đề cho sự phát triển của bản thân trong tương lai.

- Tạo cho mình lối sống tự lập không phụ thuộc nhiều vào mọi người xung quanh.

- Định hướng rõ ràng vạch ra kế hoạch mục tiêu cho bản thân.

- Chủ động tìm hiểu kiến thức nghiên cứu các vấn đề xã hội. Luôn nhìn cuộc sống bằng cách nhìn tích cực, chăm chỉ học tập rèn luyện bản thân.

- Không nản lòng khi gặp khó khăn mà phải vượt qua nó bằng khả năng sức mạnh của bản thân mình.

- Luôn dám thử sức trên mọi lĩnh vực dù có thất bại cũng xem nó là trải nghiệm và rút ra bài học cho mình.

- Luôn tích cực tham gia các hoạt động của trường lớp, hòa nhập thân thiện cùng bạn bè.

- Từ những việc làm nhỏ đó chúng ta có thể góp phần cải và phát triển tính độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực trong nhận thức và học tập của bản thân.

**Câu 10: Một số giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam?**

- Đẩy nhanh thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trong đó có chất lượng giáo dục đào tạo, trọng tâm là chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị, thay đổi phương thức giáo dục đào tạo, nhất là giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

- Đảm bảo quy mô, cơ cấu ngành nghề đào tạo cho phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút các nhà đầu tư, cả doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia vào hoạt động đào tạo, phát triển kỹ năng nghề.

- Xây dựng các mô hình gắn kết với giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động theo từng vùng, từng địa phương phù hợp với từng nhóm đối tượng, trong đó chú trọng đối tượng đặc thù.

- Đẩy mạnh dự báo nhu cầu về đào tạo nghề nghiệp, đặc biệt là ngành nghề khoa học và kỹ thuật công nghệ, trong đó ưu tiên công nghệ thông tin, công nghệ mới, công nghệ cao.

- Sắp xếp tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, dễ tiếp cận đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức, phân bổ hợp lý cả về cơ cấu ngành, trình độ vùng, miền và đủ khả năng đáp ứng nhu cầu về đào tạo nhân lực chất lượng cao.

**Câu 11: Vai trò của sinh viên trong việc giữ gìn và phát huy nền văn hóa Việt Nam tiên tiến , đậm đà bản sắc dân tộc?**

1. Nội dung:

1.1. Văn hoá tiên tiến và bản sắc văn hoá dân tộc:

**Văn hóa tiên tiến:** Là nền văn hóa dựa trên các giá trị văn hóa cao đẹp của dân tộc và thời đại, phải thể hiện được tinh thần dân chủ, tiến bộ. Phải dựa trên cơ sở nền giáo dục phổ cập có trình độ cao, một nền khoa học kĩ thuật tiến bộ đủ sức giải quyết những vấn đề của cuộc sống hiện tại, hướng đến sự nghiệp công nghiệp hoa hiện đại hóa đất nước. Phải tiến kịp và hòa nhập với trình độ phát triển của văn minh nhân loại.

**Văn hóa đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam**: Bao gồm những tinh hoa của các cộng đồng dân tộc Việt Nam được vun đắp qua hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, cần cù lao động sáng tạo, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc,…

1.2. Vai trò của sinh viên trong quá trình xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:

Để phát huy được vai trò trên thì sinh viên cần tiếp thu những mặt tích cực, tiên tiến của văn hóa hiện đại, đồng thời phát huy tinh thần yêu nước niềm tự hào dân tộc, luôn phấn đấu rèn luyện trau dồi thêm kỹ năng ,nỗ lực rèn luyện , gìn

giữ và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc. Kiên quyết đấu tranh đối với những biểu hiện vô cảm, hoặc những âm mưu chống phá của các thế lực thù địch.

1.3. Một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của sinh viên trong việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:

**-Một là:** Giúp sinh viên nhận thức rõ về tầm quan trọng của việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

**-Hai là**: Phải xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể để phát huy vai trò của sinh viên

**-Ba là**: Tổ chức các cuộc hội thảo, giao lưu về văn hóa cho sinh viên

**-Bốn là**: Phát huy tính tích cực và chủ động của sinh viên

-**Năm là:** Xây dựng tinh thần cảnh giác, tích cực đấu tranh chống lại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng và văn hóa

**Câu 12: Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay?** a) Hội nhập kinh tế quốc tế là gì?

- Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

b) Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay?

Cơ hội:

1. Hội nhập kinh tế quốc tế là gì?

- Hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia là quá trình quốc gia đó thực hiện gắn kết nền kinh tế của mình với nền kinh tế thế giới dựa trên sự chia sẻ lợi ích, đồng thời tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

1. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay?

Cơ hội:

- Mở rộng thị trường, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao năng lực sản xuất trong một số lĩnh vực cụ thể như: công nghiệp, thương mại, các ngành dịch vụ…; thúc đẩy tái cấu trúc nền kinh tế, đặc biệt là chuyển dịch cơ cấu sản xuất theo hướng tích cực, phù hợp với chủ trương công nghiệp hóa theo hướng hiện đại, theo đó tập trung nhiều hơn vào các mặt hàng chế biến, chế tạo có giá trị và hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao hơn; thúc đẩy thương mại, tăng thu hút đầu tư nước ngoài (FDI) và mở rộng quan hệ hợp tác phát triển (ODA).

- Tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới, các ngành có tốc độ tăng việc làm cao nhất cũng là những ngành mở cửa nhanh hơn hoặc những ngành áp dụng công nghệ tiên tiến nhất .

- Tiếp thu được khoa học-công nghệ mới, tiếp nhận công nghệ máy móc, hiện đại hóa cơ sở vật chất và kỹ năng quản lý tiên tiến, góp phần đào tạo cho Việt Nam đội ngũ nguồn nhân lực có trình độ và năng lực cao về chuyên môn lẫn quản lý, tiếp thu các tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Góp phần hoàn thiện thể chế trong nước trên góc độ: pháp luật và tổ chức bộ máy, cùng với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tạo hiệu ứng tích cực thúc đẩy cải cách và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đầy đủ, hoàn thiện môi trường kinh doanh, tạo ra môi trường kinh doanh ngày càng bình đẳng, minh bạch, dễ dự đoán hơn và ngày càng phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế…

Thách thức:

- Tăng trưởng xuất khẩu nhanh nhưng chưa thực sự vững chắc, chất lượng tăng trưởng và hiệu quả xuất khẩu còn thấp, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tuy đã chuyển dịch mạnh sang hàng chế biến, chế tạo, nhưng vẫn còn phụ thuộc nhiều vào doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; nhập siêu vẫn là nguy cơ, còn không ít bất cập trong cơ cấu nhập khẩu.

- Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp, chịu sức cạnh tranh lớn từ doanh nghiệp nước ngoài , song thu ngân sách từ thuế nhập khẩu bị giảm,… Năng suất lao động tăng chậm, thu hút đầu tư vẫn dựa vào lợi thế nhân công và chi phí mặt bằng rẻ, chi phí năng lượng thấp đã ảnh hướng nhiều đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế cũng như của doanh nghiệp, sản phẩm.

- Khả năng tích lũy vốn nhân lực và tiến bộ công nghệ của Việt Nam còn rất khiêm tốn, biểu hiện ở mức năng suất lao động thấp và trình độ công nghệ của đa số doanh nghiệp còn khá lạc hậu.

- Đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập.á trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam hiện nay - Các hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế và mở rộng quan hệ trong các lĩnh vực chưa được triển khai đồng bộ, nhịp nhàng trong một chiến lược tổng thế.

- Chất lượng nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng chậm được cải thiện. Năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, doanh nhân chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập.

**Câu 13: Nguyên nhân thất nghiệp của một số bộ phận sinh viên sau khi tốt nghiệp Đại học,Cao đẳng của Việt Nam hiện nay?**

1. Nguyên nhân của thất nghiệp : - Từ phía nền kinh tế- xã hội:

Từ khi nhà nước có chính sách mở cửa kinh tế nhà nước chuyển sang kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phải tự lo cho mình, tự tính toán “ lời ăn, lỗ chịu” không có sự bao cấp của nhà nước thì vấn đề việc làm thực sự trở nên bức bách. Cũng từ đây cơ cấu bộ máy trong các cơ quan gọn nhẹ hơn nhiều do số lao động tuyển vào được cân nhắc kỹ lưỡng .

- Về phía đào tạo :

Nhiều chương trình đào tạo quá cũ kỹ, lạc hậu từ nội dung đến phương pháp giảng dậy. Đôi khi được học là học chạy còn vào thực tiễn thì như mới hoàn toàn vì học nhưng không có thực hành trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dậy.

- Chất lượng đào tạo:

Hiện nay chất lượng đào tạo và thực tế còn có khoảng cách quá xa. Những gì sinh viên được học phần lớn chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc. Nguyên nhân một phần là do học không đi đôi với hành, thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dậy và học tập hoặc nếu có thì quá xa so với thực tế công việc.

- Về phía chính sách của nhà nước:

Nhà nước vẫn chưa có chính sách hợp lí để khuyến khích cũng như tạo điều kiện cho sinh viên sau khi ra trường yên tâm công tác và phát huy hết khả năng; chẳng hạn như chính sách đối với những người về công tác tại những vùng sâu, vùng xa, hải đảo chưa hợp lí

- Về phía bản thân và gia đình đối tượng được đào tạo:

Chúng ta có thể nhận thấy một thực tế rằng hiện nay sinh viên ra trường đều muốn bám trụ lại thành phố để làm việc dù công việc đó không đúng ngành được đào tạo hoặc thậm chí là công việc phổ thông miễn sao có thu nhập .

2. Một số giải pháp cụ thể cho vấn đề thất nghiệp sau khi tốt nghiệp cao đẳng, đại học:

- Hoàn thiện thể chế thị trường lao động theo định hướng xã hội chủ nghĩa

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong nước và quốc tế cho

đầu tư phát triển

- Tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước trong giải quyết việc làm và phát triển thị

trường lao động

- Nâng cao chất lượng nguồn lao động cả về trình độ học vấn và trình độ

chuyên môn kỹ thuật, kỹ năng tay nghề; thực hiện liên thông giữa các cấp trình

độ; giáo dục - đào tạo theo định hướng gắn với cầu lao động

- Nâng cao hiểu biết về pháp luật, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và

nâng cao thể lực đảm bảo cung cấp đội ngũ lao động có chất lượng cả về thể lực

và trí lực, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất công nghiệp

**Câu 14. Tác động của nền kinh tế thị trường đến học tập và làm việc sau này của sinh viên Việt Nam**?

**+ Mặt tích cực**: Nền kinh tế Việt Nam đã và đang thay đổi, kéo theo sự thay đổi của thị trường lao động. Chính vì thế đã tạo cho sinh viên những tính cách mạnh mẽ, năng động, sáng tạo, tháo vát. Sinh viên có thể mở mang rất nhiều về kiến thức, được rèn luyện tốt về phẩm chất, cũng có thể làm việc được ở nhiều môi trường khác nhau, biết quản lí quá trình phát triển, xây dựng định hướng chiến lược. Bên cạnh đó, dưới tác động của nền kinh tế thị trường còn giúp sinh viên biết phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, biết mở rộng các mối quan hệ trong và ngoài nước, mở rộng vốn ngôn ngữ giúp sinh viên giao lưu với bạn bè quốc tế và cải thiện khả năng ngoại ngữ.Ngoài ra, giúp cho sinh viên có điều kiện học hỏi các nước có nền kinh tế phát triển trên thế giới, là động lực mạnh mẽ để hình thành ý chí, khát khao, nguyện vọng của sinh viên, biết rèn luyện đạo đức, tác phong, lối sống trong sáng, lành mạnh, biết đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống lai căng, thực dụng, xa rời các giá trị văn hoá - đạo đức truyền thống của dân tộc, biết trau dồi các kĩ năng hội nhập trong xã hội mới, tiếp thu sự phát triển của công nghệ mới. Từ đó tạo cho sinh viên tính cách dám nghĩ, dám làm, dám chấp nhận vượt qua mọi thử thách khó khăn của cuộc sống.

+ **Mặt tiêu cực**: hiện nay đang nổi cộm trong giới sinh viên đó là cờ bạc, ma tuý, sử dụng rượu bia, các chất kích thích gây nghiện, tệ nạn trộm cắp và các tệ nạn khác. Một trong các yếu tố tâm lý tác động đến việc sinh viên tham gia nhiều hơn vào các tệ nạn xã hội là do nhu cầu hưởng thụ của bản thân sinh viên quá cao. Nhu cầu này vượt quá các quy định của chuẩn mực xã hội, họ luôn coi trọng giá trị về vật chất. Như vậy, có thể thấy việc tiếp xúc với các phần tử xấu, đua đòi với bạn bè cùng với việc thiếu nghị lực rèn luyện phấn đấu của sinh viên cũng là nguyên nhân dẫn tới việc các sinh viên dễ mắc vào các tệ nạn xã hội. Mặt khác, có thể bắt nguồn từ nguyên nhân chủ quan như buồn chán, cuộc sống, bị bạn bè rủ rê lôi kéo cũng là nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội của sinh viên. Khoảng cách giữa tệ nạn xã hội và tội phạm rất gần nhau, chính vì vậy để hạn chế các nguyên nhân dẫn đến tình trạng tệ nạn xã hội ngày càng phổ biến trong sinh viên, chúng ta phải thực hiện đồng bộ các giải pháp sau: củng cố mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường trong việc quản lí, giáo dục sinh viên, tạo cho sinh viên môi trường sống lành mạnh và thân thiện, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và sử phạt nghiêm minh đối với các trường hợp tham gia các tệ nạn xã hội.

**Câu 15. Những thành tựu của quá trình xây dựng kinh tế - xã hội trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam?**

**\* Thành tựu về kinh tế :**

-Thành tựu về kinh tế: đất nước ta đã đạt được những thành tựu tolớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ,tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân vàtoàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước.

+ Quy nô nền kinh tế tăng nhanh.

+ Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế từng bước được đẩy mạnh, phát huy lợi thế ngành và lãnh thổ.

+ Chuyển nền kinh tế từ bị bao vây, cấm vận, khép kín sang nền kinh tế mở và hội nhập quốc tế.

+ Chính sách xã hội được quan tâm, đời sống nhân dân được cải thiện và không ngừng nâng cao.

+ Thực hiện có kết quả chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, phát huy ngày càng tốt hơn tiềm năng của các thành phần kinh tế.

**\* Thành tựu về xã hội :**

-Do kết cấu của nền kinh tế nhiều thành phần qui định nên trong thời kỳ quá độ còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các tầng lớp xã hội, các giai cấp, tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau. Trong xã hội của thời kỳ quá độ còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn, thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay. Bởi vậy, thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, về phương diện xã hội là thời kỳ đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo.

**16. Vận dụng quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào trong quá trình học tập và hoạt động thực tiễn cuộc sống?**

- Trong cuộc sống cũng như trong xã hội ngày nay việc thích nghi với sự phát triển và đổi mới là cần thiết. Đối với một học sinh việc vượt qua kì thi THPTQG thì đó là một bước để bắt đầu hoàn thiện ước mơ trở thành sinh viên và bước vào một môi trường mới,bạn bè mới, cách học mới,….

- Mỗi người phải học cách phân phối thời gian giữa việc học cũng như việc tự chăm sóc bản thân khi không có người thân ở bên, thậm chí nhiều sinh viên còn phải đi làm thêm để trang trải cho cuộc sống .Nhưng không phải ai cũng có thể thích nghi được với nhiều sự thay đổi như vậy do đó mà việc xây dựng cho mình một phương pháp học tập,rèn luyện đồng thời đáp ứng được yêu cầu của nhà trường và xã hội là vô cùng quan trọng.

- Để làm được điều đó thì việc vận dụng quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại vào trong quá trình học tập và hoạt động thực tiễn cuộc sống là vô cùng cần thiết.So sánh giữa việc học ở THPT với đại học rõ ràng chúng ta sẽ thấy rõ rệt về thời gian học tập.Ở THPT thì chương trình học sẽ ít hơn đại học và kéo dài 1 một năm và chủ yếu là học trên lớp .Trong khi đó thì chương trình học ở đại học trong 1 buổi có thể học hết 1 chương và thường kéo dài khoảng 1-2 tháng và việc học cũng có nhiều phần thử thách hơn khi phải tự học là chủ yếu cùng nhiều mô hình khác nhau:kiến tập, thực tập,làm tiểu luận,…Và sự chuyển đổi từ THPT lên đại học cũng giống như sự biến đổi từ lượng thành chất.Chính vì vậy mà sinh viên cần phải thay đổi thói quen sinh hoạt,học tập,tích lũy thu thập thêm nhiều kiến thức tìm kiếm cho mình một con đường phù hợp với bản thân cũng như nhu cầu của xã hội.Việc vận dụng tốt quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại góp phần đào tạo ra những nhân tài đủ tiêu chuẩn về mặt năng lực cũng như về đạo đức đưa đất nước ngày một phát triển giàu đẹp hơn.

**Câu 17.Vận dụng quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại với quá trình tích lũy kiến thức trong học tập của sinh viên. Giải pháp khắc phục những khuyết điểm, hạn chế của bản thân ?**

- Quá trình học tập của mỗi học sinh là một quá trình dài, khó khăn và cần sự cố gắng không biết mệt mỏi, không ngừng nghỉ của bản thân mỗi học sinh. Quy luật chuyển hóa từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất thể hiện ở chỗ: mỗi học sinh tích lũy lượng (kiến thức) cho mình bằng việc nghe các thầy cô giảng trên lớp, làm bài tập ở nhà, đọc thêm sách tham khảo,… thành quả của quá trình tích lũy đó được đánh giá qua những bài kiểm tra, những bài thi học kỳ và kỳ thi tốt nghiệp. Khi đã tích lũy đủ lượng tri thức cần thiết, học sinh sẽ được chuyển sang một cấp học mới cao hơn.Quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh, sinh viên đóng vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển của xã hội, của đất nước. Bởi chính quá trình này tạo ra những con người có đủ năng lực để tiếp quản đất nước, đưa đất nước phát triển sánh vai với các cường quốc năm châu. Vì vậy, mỗi học sinh, sinh viên cần phải có nhận thức rõ ràng, đúng đắn về vấn để này, phải tích đủ lượng tới giới hạn điểm nút thì mới được thực hiện bước nhảy, không được nôn nóng, đốt cháy giai đoạn.

- Hiện nay, kiểu học tín chỉ đã tạo điều kiện cho những sinh viên cảm thấy mình đủ năng lực có thể đăng kí học vượt để ra trường sớm. Tuy nhiên cũng có không ít sinh viên đăng kí học vượt nhưng không đủ khả năng để theo, dẫn đến hậu quả là phải thi lại chính những môn đã đăng kí học vượt. Điều này cũng có nghĩa là các sinh viên đó chưa tích lũy đủ về lượng đến giới hạn điểm nút mà đã thực hiện bước nhảy, đi ngược lại với quy luật lượng – chất, và hậu quả tất yếu là sự thất bại. Hoặc là do sự nôn nóng, thực hiện các cách bước nhảy sai cách, đốt cháy giai đoạn. Đó là những hành động sai lầm vô cùng nặng nề. Do đó trong quá trình tiếp thu kiến thức của học sinh không thể áp dụng hình thức bước nhảy đột biến, không thể có chuyện học sinh mới đi học đã có thể tham gia kì thi tốt nghiệp, mà phải thực hiện bước nhảy dần dần: đó là vượt qua từng bài kiểm tra nhỏ, rồi đến bài kiểm tra học kì và bài thi tốt nghiệp, có như vậy mới đúng với quy luật và đạt được hiệu quả.

- Từ đó để khắc phục nên những khuyết điểm trong học tập như điểm thấp, không có kiến thức khi thi hoặc không đủ lượng để có thể đăng kí vượt tín chỉ ra trường sớm thì bản thân là sinh viên cần cố gắng học hỏi tiếp thu kiến thức một cách nghiêm túc, có chủ động từ thầy cô, sách vở, bạn bè ... để tích lũy đủ về lượng kiến thức từ đó thi và lm bài điểm sẽ cao, qua môn. Có tính tự giác cao trong học tập, cố gắng làm bài tập, học hỏi để mở mang kiến thức

**Câu 18. Vận dụng quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập với việc học tập và hoạt động thực tiễn cuộc sống của sinh viên như thế nào?**

- Quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập thể hiện bản chất ,là hạt nhân của phép biện chứng duy vật, bởi quy luật đề cập tới vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của phép biện chứng duy vật – vấn đề nguyên nhân ,động lực của sự vận động và phát triển.

Áp dụng quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập với việc học tập và hoạt động thực tiễn cuộc sống của sinh viên:

- Đối với việc học tập: Trong học tập có bạn học giỏi ,có bạn học kém,đây là hai mặt vừa thống nhất vừa đối lập với nhau. Hai mặt này bài trừ,phủ nhận lẫn nhau nhưng cũng là tiền đề cho sự tồn tại của nhau. Bởi có thể từ bạn học kém trở thành bạn học giỏi hoặc từ bạn học giỏi trở thành bạn học kém do nhiều nguyên nhân:

+ Bạn học kém trở thành bạn học giỏi có thể do sự nổ lực,cố gắng,chăm chỉ,kiên trì,tìm tòi học hỏi của bạn ấy;

+ Bạn học giỏi trở thành bạn học kém có thể do lười biếng,ham chơi,chủ quan trong việc học.

- Đối với hoạt động thực tiễn cuộc sống: Đối với việc đi làm thêm và việc học của sinh viên:

+ Đi làm thêm có thể giúp cho sinh viên rèn luyện thêm nhiều kĩ năng, học hỏi được nhiều kinh nghiệm. Nhưng nếu bạn quá tập trung cho việc đi làm thì sẽ làm xao nhãng việc học.

+ Việc học trong trường cũng rất quan trọng,giúp bạn có thêm nhiều kiến thức,nâng chuyên môn. Nhưng nếu bạn chỉ tập trung vào mỗi việc học thôi còn chưa đủ, bạn cần phải phát triển thêm kĩ năng,học hỏi thêm kinh nghiệm có thể từ việc đi làm thêm ,đi thực tập…

+ Từ đó cho thấy việc đi làm thêm với việc học của sinh viên cũng là hai mặt vừa thống nhất vừa đấu tranh giữa các mặt đối lập.

Từ đó chúng ta có thể vận dụng quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập vào việc học tập và hoạt động thực tiễn cuộc sống của bản thân:

- Cần phát huy thế mạnh của bản thân;rèn luyện thêm các kỹ năng;rèn luyện tính kiên trì,nhẫn nại;kết hợp việc học với thực hành,trải nghiệm thực tế;…

VD: Tham gia các câu lạc bộ,các hoạt động giúp phát triển các kỹ năng ; đối với học tập thì nên đầu tư thời gian và công sức; tham gia nhiều chuyến đi trải nghiệm để học hỏi và biết thêm nhiều thứ xung quanh…

- Cần tránh lối suy nghĩ chủ quan,tự phụ;quá tập trung vào một thứ mà bỏ qua những thứ khác;loại bỏ những thói quen xấu…

VD: Học cách lắng nghe, tiếp nhận,chọn lọc những thứ xung quanh; từ bỏ những thói quen xấu như lười biếng, tiêu xài hoang phí, đầu tư vào những thứ cần thiết và có lợi cho bản thân….

**Câu 19. Vận dụng quy luật về sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập vào học nhóm của sinh viên?**

- Học nhóm trong sinh viên là cách thức học tập của nhóm người có sự phối hợp thống nhất, chặt chẽ với nhau để cùng nhận dạng, phân tích và luận giải các vấn đề học tập đặt ra, từ đó lĩnh hội, củng cố và mở rộng kiến thức đã được học và vận dụng chúng trong quá trình thi - kiểm tra đạt kết quả cao.

- Lợi ích từ việc học nhóm:

+ Học nhóm được chia sẻ thêm nhiều kiến thức

+ Nhận ra và phát huy điểm mạnh – cải thiện điểm yếu của bản thân

+ Giúp tiết kiệm rất nhiều thời gian

+ Rèn khả năng tập trung cao cho một việc nhất định

+ Tăng khả năng tư duy, phản biện

- Mâu thuẫn phát sinh trong học nhóm:

+ Mâu thuẫn về thời gian

+ Mâu thuẫn về trọng tâm kiến thức

+ Mâu thuẫn về vai trò khi làm việc chung

+ Mâu thuẫn do thiếu các kỹ năng làm việc nhóm

+ Mâu thuẫn về ý thức học tập.

- Giải pháp hạn chế mâu thuẫn và phát huy hiệu quả học nhóm

+ Tìm hiểu và phân tích nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn

+ Giải quyết mâu thuẫn

+ Thống nhất chủ đề trước khi học và lên danh sách những gì cần làm để hoàn thành chủ đề đó

+ Tôn trọng lẫn nhau, đối xử bình đẳng

+ Dành thời gian để vui chơi, thư giãn

+ Duy trì số lượng thành viên trong nhóm

+ Lựa chọn không gian yên tĩnh phù hợp để học tập.

**Câu 20. Vận dụng quy luật phủ định của phủ định đến tác động của hội nhập văn hóa tới Việt Nam hiện nay?**

- Quy luật phủ định của phủ định giúp chúng ta nhận thức đúng đắn về xu hướng phát triển của sự vật. Quá trình phát triển của bất kỳ sự vật nào cũng không bao giờ đi theo đường thẳng mà diễn ra quanh co, phức tạp trong đó bao gồm nhiều chu kỳ khác nhau. Chu kỳ sau bao giờ cũng tiến bộ hơn chu kỳ trước.

Vì vậy, quá trình đổi mới của nước ta cùng đều diễn ra theo chiều hướng đó. Nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa đặt dưới sự quản lý điều tiết của nhà nước tạo tiền đề phủ định nền kinh tế tập trung, bao cấp đặt nền móng cho xã hội phát triển cao hơn nó trong tương lai đó là xã hội xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, trong thời đại ngày nay, hội nhập đang trở thành một xu thế khách quan. Dân tộc Việt Nam, hay bất cứ một dân tộc nào khác không thể nằm ngoài quĩ đạo đó.

Hội nhập là con đường tất yếu, là lẽ sống còn của cả dân tộc. Vấn đề đặt ra là chúng ta hội nhập như thế nào. Rõ ràng, chúng ta với tư thế chủ động, hội nhập trên cơ sở tự khẳng định mình, nổ lực để vượt lên chính mình, nghĩa là, thông qua quá trình hội nhập, chúng ta có thể nhận thức đầy đủ hơn, có ý thức hơn trong việc bảo tồn, phát huy bản sắc của dân tộc mình. Đồng thời trong quá trình đó, chúng ta sẽ thấy được những hạn chế của những truyền thống có khả năng cản trở sự tiến bộ để tìm cách khắc phục. Một khi đã nhận thức được như vậy, chắc chắn chúng ta sẽ kết hợp hài hoà các giá trị truyền thống với các giá trị hiện đại, trên cơ sở bảo tồn bản sắc dân tộc, giữ lấy những gì là tinh hoa, loại bỏ dần các yếu tố lỗi thời, tăng cường giao lưu, học hỏi với bên ngoài thì sẽ vượt qua được những thử thách, sẽ khơi dậy được vai trò động lực của các giá trị truyền thống. Với tinh thần và bản lĩnh của người Việt Nam, chúng ta sẽ “phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa”, kết hợp sức mạnh dân tộc với những ưu thế của thời đại để phát triển đất nước và từng bước khẳng định vị thế bản lĩnh của dân tộc mình trước cộng đồng.

- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, quá trình vận động, phát triển của mọi sự vật, hiện tượng trong thế giới khách quan là quá trình liên tục thực hiện những bước phủ định kế tiếp nhau. Sự phủ định ấy không chỉ đơn thuần là thủ tiêu, phá hủy cái cũ, mà còn là sự giữ lại và phát triển những nhân tố tích cực đã có, tức là kế thừa.

- Trong quá trình phát triển, giữa cái cũ và cái mới, sự vật cũ và sự vật mới bao giờ cũng có mối liên hệ ràng buộc, tương tác qua lại, xâm nhập vào nhau, chuyển hóa lẫn nhau và làm tiền đề của nhau. Cái cũ, sự vật cũ khi mất đi không có nghĩa là mất đi hoàn toàn, mà trong nó vẫn được bảo tồn và giữ lại những yếu tố tích cực, những “hạt nhân hợp lý” để tạo tiền đề, nền tảng cho sự phát triển tiếp theo.

- Thực chất nó là mắt khâu trung gian liên hệ giữa cái cũ, sự vật cũ với cái mới, sự vật mới. Ngược lại, cái mới, sự vật mới phát triển cao hơn không phải từ hư vô, trên mảnh đất trống không, mà là kết quả phát triển hợp quy luật từ những gì hợp lý của cái cũ, sự vật cũ; là kết quả của sự đấu tranh và kế thừa tất cả những yếu tố còn tích cực của cái cũ, sự vật cũ.

- Diễn đạt tư tưởng đó, V.I.Lênin viết: “Không phải sự phủ định sạch trơn, không phải sự phủ định không suy nghĩ, không phải sự phủ định hoài nghi, không phải sự do dự, cũng không phải sự nghi ngờ là cái đặc trưng và cái bản chất trong phép biện chứng, - dĩ nhiên, phép biện chứng bao hàm trong nó nhân tố phủ định, và thậm chí với tính cách là nhân tố quan trọng nhất của nó, - không, mà là sự phủ định coi như là vòng khâu của liên hệ, vòng khâu của sự phát triển, với sự duy trì cái khẳng định”

- Đối với nước ta, sự phát triển văn hóa Việt Nam là một dòng chảy liên tục kế tiếp nhau qua các thời kỳ lịch sử. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trong quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn kế thừa, tiếp thu có chọn lọc những di sản quý báu của dân tộc và nhân loại. Đảng ta luôn xác định xây dựng nền văn hóa mới là một trong những nhiệm vụ trung tâm của cách mạng Việt Nam, trong đó truyền thống văn hóa của dân tộc được Đảng ta kế thừa và phát huy triệt để, góp phần trực tiếp nâng truyền thống văn hóa của dân tộc và các giá trị của nó lên một tầm cao mới, với một chất lượng mới.

- Đầu năm 1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã thông qua bản Đề cương văn hóa Việt Nam, Đề cương xác định lĩnh vực văn hóa là một trong ba mặt trận (kinh tế, chính trị, văn hóa) của cách mạng Việt Nam và đề ra ba nguyên tắc của nền văn hóa mới: Dân tộc hóa, đại chúng hóa, khoa học hóa. Có thể coi Đề cương văn hóa Việt Nam là bản Tuyên ngôn, là Cương lĩnh của Đảng về văn hóa trước Cách mạng Tháng Tám mà ảnh hưởng của nó còn tác động sâu rộng đến mãi sau này.

- Năm 1948, Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày Bản báo cáo “Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam”, tại Hội nghị văn hóa lần thứ hai, trên cơ sở vân dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác để phân tích tình hình văn hóa Việt Nam đưa ra chủ trương kháng chiến hóa văn hóa và văn hóa hóa kháng chiến nhằm đẩy nhanh công cuộc kháng chiến kiến quốc; xây dựng nền văn hóa dân chủ mới Việt Nam có tính dân tộc, khoa học, đại chúng. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII, một Hội nghị chuyên bàn về vấn đề xây dựng nền văn hóa mới, quan điểm đó đã được cụ thể hóa trong Nghị quyết “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc” – Nghị quyết này có vai trò đặc biệt quan trọng trong lãnh đạo sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Đến Nghị quyết của Đại hội X một lần nữa khẳng định phải “bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế”. Kế thừa quan điểm Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII, Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI, Đảng đã xác định xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong tình hình mới. Đặc biệt, trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm về phát triển văn hóa, con người Việt Nam, trong đó nhấn mạnh “Phát triển con người Việt Nam toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”

- Trong bối cảnh hiện nay, dưới tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hóa, sự tăng cường giao lưu về mọi mặt trong quan hệ giữa các quốc gia trên thế giới, sự tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa, của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ, của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã, đang và sẽ đặt ra cho chúng ta những khó khăn, thách thức lớn đối với việc kế thừa các giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc. Chính vì vậy, nhiệm vụ bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc càng trở nên cấp thiết và nặng nề hơn bao giờ hết

- Một thái độ đúng mực đối với những gì cần được bảo tồn, giữ gìn. Cái gì cần được bảo tồn, giữ gìn thì phải bảo tồn, giữ gìn ngay từ khi nó còn đang tồn tại.

Hiện nay, trong hệ các giá trị truyền thống văn hóa của dân tộc có rất nhiều giá trị độc đáo, đặc sắc cần phải được giữ gìn, kế thừa và phát huy. Đó là những giá trị tiêu biểu mang tính ổn định, lâu dài và là điểm tựa để Việt Nam phát triển đi lên.

Những giá trị đó là “lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân – gia đình – làng xã – Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống”

- Hai là, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc phải trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các giá trị có ý nghĩa định hướng cho phát triển bền vững đất nước.

- Kế thừa có chọn lọc các giá trị văn hóa dân tộc để bảo tồn, phát huy chính là quá trình giải quyết mối quan hệ biện chứng giữa truyền thống và hiện đại. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc cần phải có quan điểm lịch sử - cụ thể. Thực tế, sự thay đổi bối cảnh mới về không gian, thời gian và chủ thể đã có những giá trị không còn phù hợp, thậm chí cản trở sự phát triển.

Đặc biệt là cần loại trừ những phi giá trị phát sinh, những phi giá trị có nguồn gốc liên quan đến tính cộng đồng làng xã, tính ưa hài hòa, ổn định, tính linh hoạt; thói dựa dẫm, cào bằng, đố kỵ, sỹ diện, vô cảm, thụ động, bảo thủ, chậm chạp, đối phó, thiếu tầm nhìn, chủ quan, sống bằng quan hệ, cẩu thả, coi thường pháp luật. Phải tập trung chọn lọc tinh hoa giá trị văn hóa dân tộc để bảo tồn, phát huy. Các giá trị văn hóa dân tộc như lòng yêu nước, ý thức dân tộc, ý chí tự cường, tinh thần đoàn kêt, lòng nhân ái, bao dung, khả năng hòa nhập, thích nghi được bảo tồn và phát huy sẽ là động lực mới cho phát triển.

- Ba là, kế thừa không phải giữ lại nguyên vẹn một cái gì đó mà lọc bỏ, chuyển hóa.

Trong việc lưu giữ, phát huy yếu tố tích cực của cái cũ trong quá trình xây dựng và phát triển cái mới thì bản thân yếu tố tích cực đó cũng phải được cải biến, chuyển hóa để cho phù hợp với điều kiện tồn tại của cái mới. Trải qua mấy nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, dân tộc ta đã xây dựng nên bản sắc văn hóa với những giá trị đặc sắc, độc đáo, mang sắc thái riêng của dân tộc Việt Nam. Trong quá trình phát triển, truyền thống văn hóa của dân tộc không hề đứng yên và bất biến, mà trái lại luôn được các thế hệ người Việt Nam kế tiếp kế thừa, bổ sung, phát triển và đổi mới liên tục. Đặc biệt, ở những thời kỳ chuyển biến mạnh mẽ của lịch sử, vào những thời điểm chuyển giao thời đại, nhiều giá trị, nhiều khía cạnh của truyền thống văn hóa dân tộc cũng có sự thay đổi mang tính bước ngoặt. Thực tiễn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trong thời kỳ mới đã và đang đặt ra những yêu cầu, nội dung và hình thức mới cho việc bổ sung, phát triển truyền thống văn hóa của dân tộc. Dựa trên nền tảng của những “hạt nhân hợp lý” trong truyền thống văn hóa dân tộc được giữ lại, cần tích cực bổ sung, phát triển thêm các giá trị mới, bảo đảm cho sự phát triển của hệ thống các giá trị văn hóa dân tộc luôn là một dòng chảy liên tục, không đứt đoạn. Các giá trị mới là những cái mới phù hợp, cái mới đang phát huy tốt tác dụng theo quan điểm của Đảng và nhân dân ta. Các giá trị mới ở đây không phải hoàn toàn tách rời giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tinh hoa của nhân loại, càng không phải do ý muốn chủ quan của một vài cá nhân áp đặt, mà nó được hình thành trong sự kế thừa biện chứng, trong sự tiếp nối hợp lôgíc các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc qua hàng nghìn năm lịch sử. Hệ giá trị văn hóa dân tộc truyền thống được kế thừa, phát huy phải có ý nghĩa đối với dân tộc và nhân loại hiện nay. Đó là hệ giá trị vì hòa bình, độc lập tự chủ, ấm no, dân chủ, bình đẳng, văn minh, nhân ái, khoan dung, có khả năng hòa hợp với cộng đồng. Các giá trị bản sắc văn hóa dân tộc được phát huy phải có vai trò định hướng cho sự phát triển hài hòa mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, tránh cực đoan vì lợi ích giữa cá nhân và xã hội, đem hạnh phúc đến cho con người.

- Chẳng hạn, truyền thống đoàn kết cố kết dân tộc để giữ nước trước đây có thể được kế thừa và nâng cao trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, thành tư tưởng đại đoàn kết toàn dân, đại đoàn kết dân tộc, toàn dân tham gia phát triển kinh tế, toàn dân tham gia xây dựng nền quốc phòng, toàn dân sẵn sàng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, toàn dân tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, toàn dân tham gia phòng, chống dịch covid-19. Nhưng trong điều kiện nền kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường hiện nay, tính cục bộ, địa phương rất dễ gây trở ngại trong việc mở rộng các mối quan hệ trong hoạt động kinh tế cũng như ở các lĩnh vực hoạt động khác, ngăn cản tiến bộ xã hội.

**Câu 21. Thực tiễn ứng dụng những thành tựu của cách mạng công nghiệp 4.0 trong phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện nay?**

Trước cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, ngành nông nghiệp nước ta đứng trước yêu cầu đổi mới, Vì vậy Đảng và nhà nước đã đề ra nhiều biện pháp để biến đổi phương thức sản xuất nông nghiệp cũ và lạc hậu của nước ta bằng việc ứng dụng có chọn lọc các kỹ thuật tiên tiến của thời kỳ cách mạng 4.0 trong sản xuất nông nghiệp như:

-Ứng dụng công nghệ sinh học cho phép chọn, tao ra những giống cây trồng, vật nuôi mới phù hợp vói mục đính sữ dụng. điều này tác động mạnh mẽ đến năng xuất cũng như chất lương cây trồng vật nuôi, tại đó tăng giá trị gia tăng trong mỗi sản phẩm nông nghiệp ví dụ như: giống gạo ST25 được công nhận là “gạo ngon nhất thế giới năm 2019” tại Hội nghị Thương mại gạo thế giới lần thứ 11 tổ chức tại Phi-lip-pin.

- Ứng dụng thành tựu công nghệ thông tin, công nghệ số, công nghệ điều khiển và tự động hóa để nâng cao năng suất trong sản xuất đến phân phối và tiêu thụ hàng nông sản (như: Robot, AI, Big Data…)

- Ứng dụng cảm biến kết nối vạn vật ở hầu hết các trang trại nông nghiệp (IOT Sensors). Các thiết bị cảm biến và thiết bị thông minh được kết nối và điều khiển tự động trong suốt quá trình sản xuất nông nghiệp, giúp ứng phó với biến đổi khí hậu, cải thiện vi khí hậu trong nhà kính

- Công nghệ đèn LED sử dụng đồng bộ trong canh tác kỹ thuật cao để tối ưu hóa quá trình sinh trưởng, ứng dụng ở các quốc gia có quỹ đất nông nghiệp ít hoặc nông nghiệp đô thị.

- Canh tác trong nhà kính, nhà lưới, sử dụng công nghệ thủy canh, khí canh nhằm cách ly môi trường tự nhiên và chủ động ứng dụng đồng bộ công nghệ canh tác và thu hoạch22. Vận dụng lý luận vai trò thực tiễn đối với nhận thức để giải quyết vấn đề học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn của bản thân.

**Câu 22. Vận dụng lý luận vai trò thực tiễn đối với nhận thức để giải quyết vấn đề học đi đôi với hành, lý luận gắn với thực tiễn của bản thân?**

Quan điểm “Học đi đôi với hành” được hình thành và phát triển trên cơ sở vận dụng sáng tạo lý luận về vai trò của thực tiễn đối với nhận thức của Chủ nghĩa Mác - Lê-nin. “học” là một hoạt động nhận thức, là quá trình tiếp thu tri thức, thông qua đó hình thành các nhân cách, năng lực cần thiết, “hành” là thực hành, là làm việc, là sự vận dụng những điều đã học để giải quyết những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Mối qua hệ giữa “học”(nhận thức) và “hành” (thực tiễn) là mối quan hệ biện chứng, chặt chẽ với nhau. Việc dạy và học phải xuất phát từ nhu cầu của thực tiễn cuộc sống nên rất được coi trọng. Mặc dù mục đích cốt yếu của việc học tập là để giải quyết các vấn đề của thực tiễn cuộc sống, tuy nhiên, nội dung học tập cần phù hợp với mỗi lứa tuổi, mỗi cấp học, mỗi bậc học.Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Đối với Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến của các nước bạn, kết hợp với thực tiễn của nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà”. “Học” phải đầy đủ, toàn diện, sát thực tế; “Hành” phải khéo léo, linh hoạt, mềm dẻo.Học với hành phải kết hợp với nhau, không nên áp dụng phương pháp dạy và học thụ động trong trường nữa mà thay vào đó nên chọn phương pháp học mới là cho học sinh tham quan, học tập ở ngoài trời, giúp học sinh có những trải nghiệm thực tế, hiểu rõ hơn những gì đã được học.

Với động cơ, mục đích học tập đúng đắn, chúng ta mới có thể say mê học tập, nghiêm túc, chăm chỉ để tiếp thu đầy đủ nội dung, làm bài tập để củng cố, mở rộng bài học. Trên cơ sở nắm chắc bài học, chúng ta sẽ có điều kiện vận dụng vào thực tiễn.

Học không chỉ ở trường lớp mà cả tự học, học bạn, học người thân, học đồng môn, đồng nghiệp. Hành không chỉ ở trong phòng thí nghiệm mà phải vận dụng vào cuộc sống hàng ngày, trong ăn ở, đi lại, giao tiếp và làm việc. Như là khi học được kỹ năng làm việc nhóm thì khi thành lập nhóm học tập làm việc sẽ biết các quy trình bước làm, biết cách giải quyết khó khăn và tận dụng những thuận lợi, biết cách xử lí các tình huống , xung đột.

Muốn việc học đạt kết quả cao cần phải tập trung thực hiện nó một cách nghiêm túc, chỉnh chu, không vì bản thân cảm thấy dễ mà mà bỏ qua phải thực hiện bài bản theo các bước không nên đốt cháy giai đoạn.

**Câu 23. Vận dụng vai trò của thực tiễn đối với nhận thức vào gtrong quá trình học tập của sinh viên như thế nào?**

- Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức trong mỗi người sinh viên là rất quan trọng. thực tiễn giúp sinh viên biết thêm về cấu trúc, tinh chất và các mối quan hệ giữa các đối tượng để bản chất của sự vật để hiểu rõ hơn về bản chất của sự vật, hiện tượng. Nó sẽ định hình và khái quát các kiến thức trong sách vỡ một cách sinh động, dễ hiểu, bổ sung những phần tri thức thiếu sót.

- Bên cạnh đó, nhu cầu cần giải thích các kiến thức của sinh viên, sẽ làm động lực thúc đẩy các hoạt động thực tế, khám phá các sự vật, hiện tượng thật ngoài thế giới, từ đó tác động và cải tạo thế giới một cách khách quan. Chính nhờ sự tác động đó, làm các đối tượng được thực tiễn hóa, đem lại các nguồn tri thức có giá trị cao hơn cho sinh viên trong học tập. Vừa thực hiện hoạt động nghiên cứu vừa tham gia các hoạt động thực tiễn sẽ giúp bộ phận sinh viên có thêm nhiều kinh nghiệm quý báu, đúc kết được nhiều nguyên tắc sống ách vở, cũng như như nguyên tắc ngầm khác mà không có sách vở nào ghi lại. Khi đọc sách vở, sinh viên chỉ có thể cảm nhận tri thức bằng một hoặc hai giác quan, nhưng qua hoạt dộng thực tiễn, các giác quan sẽ được hoàn thiện, tạo khả năng phản ánh nhạy bén,chính xác, nhanh hơn.

- Chẳng hạn, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn con người cần phải “đo đạc diện tích và đo lường sức chứa của những cái bình, từ sự tính toán thời gian và sự chế tạo cơ khí” mà toán học đã ra đời và phát triển. Nếu không có thực tiễn trong quá trình học tập của sinh viên, thì những kiến thức trên sách vở sẽ trở nên máy móc, vô nghĩa, sẽ trực tiếp trở thành những lí thuyết suông, sinh viên sẽ mắc bệnh “chủ quan”, có cái nhìn hạn hẹp về thế giới bên ngoài. Ngay cả bản thân em cũng nhận thấy việc đi thực tế sẽ giúp mình mở mang tầm mắt hơn, nhớ sự vật, sự việc lâu hơn, qua đó có thể khám phá các giá trị khác không tồn tại trong sách vở.

- Thông qua những tác động quan trọng trên, mỗi người sinh viên chúng ta cần phải gắn việc học tập với các hoạt động thực tế, để có cái nhìn bao quát hơn, hiểu rộng và sâu các vấn đề trong học tập và nghiên cứu của bản thân, từ đó phát huy được tính năng động sáng tạo của mỗi con người.

**Câu 24. Làm rõ những thành tựu về khoa học mà nhân loại đã đạt được trong giai đoạn cách mạng 4.0 hiện nay?**

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (công nghiệp 4.0) đang phát triển mạnh mẽ tạo ra những thay đổi sâu sắc về mọi mặt của đời sống xã hội trên toàn thế giới, dựa trên các thành tựu đột phá khoa học và công nghệ diễn . Cuộc cách mạng này đặc trưng bởi internet ngày càng phổ biến và di động, bởi các cảm biến nhỏ và mạnh hơn với giá thành rẻ hơn, bởi trí tuệ nhân tạo. Các công nghệ số với phần cứng máy tính, phần mềm và hệ thống mạng đang trở nên ngày càng phức tạp, được tích hợp nhiều hơn vì vậy đang làm biến đổi xã hội và nền kinh tế toàn cầu. Gồm 3 lĩnh vực chính:

+ Những yếu tố cốt lõi của kĩ thuật số trong cách mạng 4.0: Trí tuệ nhân tạo (AI), Vạn vật kết nối(IoT) và dữ liệu lớn (Big Data), điện thoại đám mây( cloud)

+ Trên lĩnh vực công nghệ sinh học, cách mạng Công ghiệp 4.0 tập trung vào nghiên cứu để tạo ra những bước nhảy vọt trong Nông nghiệp, Thủy sản, Y dược, chế biến thực phẩm, bảo vệ môi trường, năng lượng tái tạo, hóa

học và vật liệu.

+ Lĩnh vực vật lý, robot thế hệ mới, máy in 3D, xe tự lái, các vật liệu mới và công nghệ nano…, lưu trữ năng lượng và tin học.

Các công nghệ mới ra đời sẽ là sự liên kết các lĩnh vực lý- sinh, cơ – điện tử - sinh ….hình thành các ngành nghề mới, đặc biệt là những ngành nghề có sự liên quan đến tương tác giữa con người với máy móc.

**Câu 25: Liên hệ ngành nghề thế mạnh của địa phương bạn sinh sống để thấy được vai trò của sản xuất vật chất đối với sự phát triển của xã hội?**

Ngành thế mạnh ở Bình Phước quê em là sản xuất công nghiệp từ các cây trồng chủ lực. Ưu thế lớn nhất của tỉnh là có diện tích đất đai lớn nhất khu vực Đông Nam Bộ với hơn 6.800 km2. Đây là lợi thế vô cùng quan trọng về không gian phát triển. Cùng với đó, Bình Phước có diện tích cây cao su lớn nhất cả nước, với hơn 245.000 ha; diện tích cây điều lớn nhất cả nước, với hơn 150.000 ha. Bởi vì thế, những năm gần đây, Bình Phước đang là điểm đến lý tưởng cho các nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có các doanh nghiệp đến từ Singapore. Bằng chứng là trong năm 2021, Bình Phước thu hút được 63 dự án đầu tư nước ngoài (FDI) với tổng số vốn đầu tư 515 triệu USD. Sáu tháng đầu năm 2022, tỉnh thu hút được 18 dự án FDI với tổng vốn đăng ký 48 triệu USD. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh đã thu hút được 354 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 3 tỷ 369 triệu USD từ nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, có 15 dự án của các nhà đầu tư Singapore với số vốn đầu tư 286 triệu USD, chiếm 8,5% tổng vốn FDI của tỉnh. Các lĩnh vực chủ yếu mà các nhà đầu tư Singapore lựa chọn đầu tư tại Bình Phước là chăn nuôi, chế biến gia súc, gia cầm; sản xuất thức ăn gia súc; sản xuất pin, ắc quy... Từ đó, ta thấy được vai trò của sản xuất vật chất đối với sự phát triển của xã hội là:

- Sản xuất vật chất giữ vai trò là nhân tố quyết định sự sinh tồn, phát triển của con người và xã hội là hoạt động nền tảng làm phát sinh, phát triển những mối quan hệ xã hội của con người, nó chính là cơ sở của sự hình thành, biến đổi và phát triển của xã hội loài người.

- Thông qua lao động sản xuất, con người được cải tạo, hoàn thiện, ngày càng đạt năng suất cao và phát triển về thể chất và tinh thần.

- Trong quá trình sản xuất vật chất, con người không ngừng làm biến đổi tự nhiên, biến đổi xã hội, đồng thời làm biến đổi bản thân mình. Sản xuất vật chất không ngừng phát triển. Sự phát triển của sản xuất vật chất quyết định sự biến đổi, phát triển các mặt của đời sống xã hội, quyết định phát triển xã hội từ thấp đến cao.

**Câu 26. Sinh viên cần làm gì để góp phần phát triển lực lượng sản xuất ở nước ta trong giai đoạn hiện nay?**

Với vai trò là người lao động, SV cần: nâng cao thể lực và trí lực; nâng cao chuyên môn ngành nghề; nâng cao đạo đức, kỷ luật.

Sinh viên cần phải chăm chỉ, sáng tạo, có mục đích và động cơ học tập đúng đắn, học tập để mai sau xây dựng đất nước, hiểu được học tập tốt là yêu nước.

Sinh viên tích cực rèn luyện đạo đức, tác phong; lối sống trong sáng, lành mạnh, tránh xa các tệ nạn xã hội; biết đấu tranh chống các biểu hiện của lối sống lai căng, thực dụng, xa rời các giá trị văn hoá - đạo đức truyền thống của dân tộc.

Sinh viên phải luôn nâng cao nhận thức chính trị, học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, tránh nhạt Đảng, khô Đoàn, xa rời chính trị.

Sinh viên cần biết trau dồi các kỹ năng hội nhập trong thời kỳ mới, tiếp thu sự phát triển của công nghệ, phát triển bản thân phù hợp với hoàn cảnh gia đình và xã hội.

Là một bộ phận của sinh viên Việt Nam, sinh viên Trường Đại Công Nghiệp TP.HCM cũng đang phấn đấu trở thành thế hệ thanh niên vừa “hồng” vừa “chuyên”, rèn đức luyện tài, không ngừng nỗ lực học tập, nâng cao kiến thức, ra sức cống hiến sức mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

**Câu 27. Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng ở Việt Nam trong giai đoạn quá độ đi lên xã hội chủ nghĩa hiện nay?**

 Cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một hình thái kinh tế- xã hội nhất định.

Cơ sở hạ tầng phản ánh chức năng xã hội của các QHSX với tư cách là cơ sở kinh tế của các hiện tượng xã hội. CSHT của một xã hội cụ thể bao gồm những CSHT thống trị, những QHSX tàn dư của xã hội trước và những QHSX là mầm mống của xã hội sau. Trong một CSHT có nhiều thành phần kinh tế, nhiều QHSX thì kiểu QHSX thống trị bao giờ cũng giữ vai trò chủ đạo, chi phối các thành phần kinh tế và các kiểu QHSX khác; nó quy định và tác động trực tiếp đến xu hướng chung của toàn bộ đời sống kinh tế xã hội. Trong xã hội có đối kháng giai cấp, tính giai cấp của cơ sở hạ tầng là do kiểu QHSX thống trị quy định. Tính chất đối kháng giai cấp và sự xung đột giai cấp và sự xung đột giai cấp bắt nguồn từ ngay trong CSHT.

– Kiến trúc thượng tầng là toàn bộ những quan điểm tư tưởng xã hội, những thiết chế tương ứng và những quan hệ nội tại của thượng tầng hình thành trên một cơ sở hạ tầng nhất định.

KTTT của xã hội có đối kháng giai cấp bao gồm: hệ tư tưởng và thể chế giai cấp thống trị, tàn dư của các quan điểm của xã hội trước để lại; quan điểm và tổ chức của các giai cấp trung gian. Tính chất hệ tư tưởng của giai cấp thống trị quyết định tính chất cơ bản của KTTT trong một hình thái xã hội nhất định. Trong đó bộ phận mạnh nhất của KTTT là nhà nước- công cụ của giai cấp thống trị tiêu biểu cho chế độ xã hội về mặt chính trị, pháp lý. Chính  nhờ có nhà nước mà tư tưởng của giai cấp thống trị mới thống trị được toàn bộ đời sống xã hội.

**Câu 28. Những thành tựu nổi bật về kinh tế - xã hội mà Việt Nam đã đạt được trong giai đoạn hiện nay?**

- Về phát triển kinh tế.

+ Đất nước ra khỏi khủng hoảng, kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng nhanh.

+ Cơ cấu kinh tế chuyển biến tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn sản xuất với thị trường.

+ Thực hiện có kết quả chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, phát huy ngày càng tốt hơn tiềm năng của các thành phần kinh tế.

+ Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dần dần được hình thành, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định.

- Về phát triển các mặt xã hội.

+Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, đời sống của đại bộ phận dân cư được cải thiện rõ rệt.

Thành công nổi bật, đầy ấn tượng qua hơn 25 năm thực hiện đổi mới, đầu tiên phải kể đến việc chúng ta đã giải quyết có hiệu quả mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; các cơ hội phát triển được mở rộng cho mọi thành phần kinh tế, mọi tầng lớp dân cư, khuyến khích, phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của nhân dân.

Trong lĩnh vực lao động và việc làm: Từ năm 1991 đến năm 2000, trung bình mỗi năm cả nước đã giải quyết cho khoảng 1 - 1,2 triệu người lao động có công ăn việc làm.

Công tác xóa đói giảm nghèo đạt được kết quả đầy ấn tượng. Theo chuẩn quốc gia, tỷ lệ hộ đói nghèo đã giảm từ 30% năm 1992 xuống khoảng 9,5% năm 2010.

Sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô, đa dạng hóa về loại hình trường lớp từ mầm non, tiểu học đến cao đẳng, đại học. Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; dự tính đến cuối năm 2010, hầu hết các tỉnh, thành sẽ đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Chỉ số phát triển con người (HDI) tăng đều đặn và liên tục suốt mấy thập kỷ qua: từ 0,561 năm 1985 lần lượt tăng lên 0,599 năm 1990; 0,647 năm 1995; 0,690 năm 2000; 0,715 năm 2005 và 0,725 năm 2007 (16). Nếu so với thứ bậc xếp hạng GDP bình quân đầu người thì xếp hạng HDI của Việt Nam năm 2007 vượt lên 13 bậc: GDP bình quân đầu người xếp thứ 129 trên tổng số 182 nước được thống kê, còn HDI thì xếp thứ 116/182.

**Câu 29. Việt Nam lựa chọn con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa có phù hợp với quy luật khách quan hay không? Vì sao?**

Có phù hợp. Vì: cả từ phương diện lý luận, cả từ phương diện thực tiễn vận động của lịch sử nhân loại suốt thế kỷ XX, thập niên đầu thế kỷ XXI và đặc biệt từ thực tiễn lịch sử đấu tranh giải phóng, xây dựng đất nước ở Việt Nam, việc nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là một tất yếu khách quan, là hoàn toàn phù hợp với xu thế của thời đại, với đặc điểm lịch sử - cụ thể của cách mạng Việt Nam, đáp ứng đúng khát vọng của nhân dân ta.

Bỏ qua chế độ TBCN là việc bỏ qua sự xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN, đồng thời bỏ qua việc tước đoạt ruộng đất và tư liệu sản xuất của người lao động, bỏ qua việc tạo dựng giai cấp thống trị, bóc lột người lao động, và đương nhiên tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN.

Quá độ lên CNXH là con đường duy nhất để nước ta thoát khỏi ách đô hộ của thực dân đế quốc, để thực hiện thành công cách mạng giải phóng dân tộc.

**Câu 30: Trách nhiệm của sinh viên trước âm mưu: diễn biến hòa bình, gây bạo loạn… của các thế lực thù địch nhằm chống phá vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ XNCH mà Việt Nam đang xây dựng?**

- Trung thành tuyệt đối Chủ nghĩa Mác-Lênin với đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà Nước.

- Bản thân phải luôn nhận thức được việc học tập là một trong những yếu tố góp phần cho sự nghiệp không chỉ của riêng mình mà của cả xã hội.

- Kiên quyết lên án, tránh xa những hoạt động lôi kéo, phản động hay những thông tin trái ngược với những lý tưởng cao đẹp của chủ nghĩa xã hội và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Lên án và quyết đấu tranh với các luận điệu sai trái, xuyên tạc và lợi dụng kẽ hở của xã hội và Nhà nước để chống phá.

- Thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng. Phát hiện và góp phần đấu tranh đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

- Chúng ta phải bảo vệ hoà bình, ngăn ngừa chiến tranh vì hoà bình đem lại cuộc sống bình yên, ấm no, hạnh phúc; chiến tranh là đau thương, chết chóc, bệnh tật, thiếu ăn, không được học hành...

- Ngày nay các thế lực phản động, hiếu chiến vẫn đang âm mưu phá hoại hoà bình, gây chiến tranh tại nhiều nơi trên thế giới, vì thế chúng ta phải bảo vệ hoà bình

- Nếu hoà bình là khát vọng của loài người thì chiến tranh là thảm hoạ của loài người.

- Trong thời đại, xu thế toàn cầu hóa hiện nay, thế hệ trẻ nói chung và bản thân nói riêng phải luôn nâng cao kiến thức về mọi mặt. Biết chọn lọc thông tin chính xác và không tham gia các thông tin phản động và lôi kéo lối sống thực dụng.

**Câu 31: Vai trò của sinh viên trong việc đấu tranh, ngăn chặn âm mưu chống phá của các thế lực thù địch nhằm góp phần bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện na**

-Sinh viên, tiếng anh là Student, theo nguồn gốc tiếng Latin là “ Người làm việc nhiệt tình, người tìm hiểu khai thác tri thức”. Họ là nhữg người đang phát triển mạnh mẻ cả về thể chất lẫn tinh thần, là người có những ước mơ và niềm đam mê cho riêng bản thân. Họ luôn ao ước có được sự thành công cũng như một thành tựu gì đó có thể đóng góp vào cho đất nước, ngăn chặn các thế lực thù địch bảo vệ dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay

-Về cơ bản, sinh viên là những người vừa tốt nghiệp THPT, vừa rời khỏi sự quản lí của thầy cô, gia đình để đến với một môi trường khác. Họ sống tập thể với nhau, cùng nhau xây dựng những mối quan hệ mới trong một môi trường xa lạ và đầy mới mẻ. Có thể nói rằng ,họ là những người khá nhanh nhạy và nhạy bén trong việc tiếp thu thông tin, trao dồi những thứ mới mẻ, cùng luồng tư tưởng xã hội. Với tình hình xã hội ngày nay, khi các thế lực thù địch xuất hiện ngày một dày,đánh vào tâm lí ‘nhẹ dạ cả tin’ của dân ta, bọn chúng ra sức lan truyền các quan niệm sai trái về Đảng và nhà nước, đưa ra các thông tin không đúng sự thật, gây hoang mang cho toàn dân. Thì vai trò của một người sinh viên là hết sức quan trọng:

+ Sinh viên hãy vận dụng những hiểu biết, cũng như những bài học đã được học qua đi tuyên truyền cho những người xung quanh mình; tích cực trao dồi nhận thức cho bản thân, bản lĩnh chính trị và đấu trang phản bác. Mạng xã hội hiện nay cũng là một công cụ mà bọn thù địch lợi dụng để tuyên truyền quan niệm sai trai. Vì vậy chúng ta nên đưa ra nhiều biện pháp ngăn chặn, hạn chế đến mức tối thiểu sự xuất hiện của các trang mạng thiếu chính thống ấy.

+ Chúng ta phải chủ động, bác bỏ quan niệm sai trái: tham gia vào các cuộc đấu tranh với các quan điểm sai trai được truyền bá. Cùng phới phương châm “ xây đi đôi với chống”, lấy “ xây “ làm trọng tâm. Chủ động lan tỏa tuyên truyền thông điệp tích cực. Phản bác quyết liệt, đồng thời lên án quan điểm thù địch sai trái.

+ Là một sinh viên phải có lòng yêu nước yêu dân tộc ta. Ra sức bảo vệ lịch sử vẻ vàng hào hùng của ông cha để lại. Truyền bá những văn hóa tốt đẹp cho bạn bè khắp 5 châu. Ra sức học tập trao dồi nền tri thức của mình và sự hiểu biết sâu sắc về lịch sử dân tộc. Để có thể nhận thức được đúng sai. Các bạn nam cần tham gia nghĩa vụ quân sự để góp sức mình vào việc bảo vệ, xây dựng đất nước. Không nên trốn tránh,.. Vì lợi ích cả nhân.

**Câu 32: Làm rõ những thành tựu nổi bật về công tác ngoại giao của Việt Nam hiện nay?**

- Thứ nhất: Về mặt ngoại giao chính trị ở Việt Nam đã tích cực thúc đẩy mối quan hệ song phương và đa phương giữa Việt Nam với các đối tác trong và ngoài nước, đã góp phần củng cố vị thế Việt Nam trên thị trường quốc tế. Mối quan hệ giữa Việt Nam với các đối tác đang ngày càng trở nên sâu sắc, hoàn hảo và thực chất hơn, mở ra những con đường mới tạo cơ hội hợp tác sâu rộng trên nhiều lĩnh vực. Với các đối tác chiến lược quan trọng, Việt Nam đã và đang tích cực củng cố quan hệ hợp tác, đa dạng hóa các lĩnh vực có tiềm năng hợp tác giữa hai bên, tạo điều kiện cho việc nâng cấp quan hệ song phương, một trong số đó có thể kể đến như Tuyên bố chung về tầm nhìn quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Nga đến năm 2030, một bước tiến lớn trong việc khẳng định tình hữu nghị và quan hệ hợp tác bền chặt của hai quốc gia.

Bên cạnh đó, trên phạm vi khu vực trong nước và quốc tế, Việt Nam đã và đang củng cố vai trò và vị thế của mình trên mọi lĩnh vực, luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, là thành viên tích cực của các tổ chức quốc tế, chủ động xây dựng và nâng cao hiệu quả hợp tác giữa các quốc gia. Đáng chú ý, trong năm 2021, Việt Nam đã đảm nhiệm thành công vai trò chủ tịch luân phiên Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc, chủ trì 4 sự kiện quan trọng, có ý nghĩa thiết thực, gồm: Phiên thảo luận cấp cao của Hội đồng Bảo An với chủ đề: “Tăng cường hợp tác giữa Liên hiệp quốc và các tổ chức khu vực” nhằm thúc đẩy xây dựng lòng tin và đối thoại trong ngăn ngừa và giải quyết xung đột; 2 phiên thảo luận cấp bộ trưởng về chủ đề: “Khắc phục hậu quả bom mìn và duy trì hòa bình bền vững” :Tăng cường gắn kết để hành động hiệu quả hơn và Bảo vệ cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với sự sống của người dân và Phiên thảo luận mở thường niên về bạo lực tình dục trong xung đột

- Thứ hai: Về ngoại giao kinh tế, Việt Nam đã chủ động đóng góp tích cực trong quá trình ký kết và thực thi các hiệp định thương mại tự do, góp phần giúp Việt Nam đa dạng hóa thị trường và sản phẩm, đưa hàng hóa Việt Nam ra thế giới. Thời gian qua, ngành Ngoại giao đã đôn đốc triển khai và đưa các hiệp định thương mại tự do đã có hiệu lực đi vào thực chất, đạt hiệu quả. Hiệp định EVFTA giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) có hiệu lực từ tháng 8/2020 đã góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại giữa hai nền kinh tế. Chỉ trong năm 2021, thương mại hai chiều giữa Việt Nam và EU đạt 63,6 tỷ USD, tăng trưởng 14,8%, trong đó, Việt Nam xuất sang EU đạt 4,8 tỷ USD, tăng 14,2% so với năm 2020. Bên cạnh đó, hiệp định UKVFTA giữa Việt Nam và Vương quốc Anh có hiệu lực từ năm 2021 cũng đã góp phần thúc đẩy thương mại hai chiều giữa hai quốc gia, với tổng giá trị 6,6 tỷ USD.

Cùng với sự hỗ trợ trong thời gian qua, Việt Nam cũng đã không ngừng tích cực hoàn thiện khung pháp lý, phê chuẩn hiệp định RCEP trước tháng 11/2021 và dự kiến Hiệp định này sẽ có hiệu lực từ tháng 01/20225. Với sự tham gia của nhiều nền kinh tế lớn và có mối quan hệ sâu rộng với Việt Nam, như: Trung Quốc, Hàn

Quốc, Nhật Bản…, RCEP hứa hẹn sẽ mở ra nhiều cơ hội hơn nữa cho các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam. Ngoài ra, các cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài luôn tích cực trong việc giúp đỡ, tạo điều kiện cho thương nhân và nhà đầu tư trong nước tiếp cận với các thị trường mới thông qua quá trình trao đổi thông tin như tổ chức các buổi tiếp xúc, gặp mặt, trao đổi thông tin về thị trường cho các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

Bộ Ngoại giao cũng đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, triển khai đồng bộ và hiệu quả nhiều chính sách, biện pháp phục hồi kinh tế trong và sau đại dịch như bảo đảm duy trì chuỗi cung ứng, giao thương hàng hóa, dịch vụ trong nước cũng như giữa Việt Nam với nước ngoài; tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cắt giảm thủ tục, chi phí cho doanh nghiệp, phát triển kết cấu hạ tầng, logistics…; tích cực triển khai các hiệp định thương mại tự do với các đối tác; hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn do dịch đại dịch gây ra.

- Thứ ba: Về bộ phận ngoại giao văn hóa. Các cơ quan đại diện Việt Nam đã tích cực phối hợp với các đơn vị trong nước cũng như chính quyền, người dân sở tại để tổ chức nhiều hoạt động ngoại giao văn hóa với sự đa dạng về nội dung, hình thức, góp phần giới thiệu, quảng bá hiệu quả về đường lối, chính sách, tiềm năng, thế mạnh cũng như về lịch sử, vẻ đẹp văn hóa, đất nước và con người Việt Nam. Trong thời gian qua, các cơ quan đại diện Việt Nam đã chủ động tổ chức các chương trình giao lưu trong khuôn khổ Chương trình Ngày Việt Nam ở nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từ năm 2010. Các chương trình này đã mang lại hiệu quả rất lớn trong việc giới thiệu Việt Nam đến với bạn bè quốc tế, từ đó thu hút thêm các nhà đầu tư, các đối tác thương mại đến với Việt Nam. Ngoài ra, Đại sứ quán Việt Nam tại một số quốc gia cũng đã chủ động tổ chức các hoạt động nhằm bảo tồn và phổ biến tiếng Việt tại nước ngoài thông qua các hình thức như giao lưu với sinh viên học tiếng Việt, hỗ trợ tư vấn về quá trình học và các tài liệu học tiếng Việt… Những hoạt động kể trên của các cơ quan đại diện không những góp phần giới thiệu hình ảnh và nét đẹp của tiếng Việt ra cộng đồng quốc tế mà còn là một cách hiệu quả để truyền bá nét đẹp văn hóa Việt Nam, thúc đẩy mối quan hệ bền chặt giữa Việt Nam với bạn bè quốc tế.

- Thứ tư: nhờ vào sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài và các cơ quan trong nước, công tác bảo hộ công dân tại nước ngoài thời gian qua đã đạt được những kết quả tích cực. Trong trường hợp có tình huống khẩn cấp, các cơ quan đại diện đã luôn chủ động triển khai các biện pháp nghiệp vụ, trao đổi thông tin với các cơ quan chức năng tại quốc gia sở tại và trong nước để tiến hành bảo hộ công dân. Cụ thể, thời gian qua, trước thông tin về việc người lao động Việt Nam tại một số quốc gia bị bóc lột, phải làm việc trong điều kiện không đáp ứng an toàn, các cơ quan đại diện Việt Nam đã chủ động xác minh các sự việc và lien hệ với các cơ quan chức năng để có hành động cần thiết bảo vệ và bảo đảm quyền lợi của người lao động Việt Nam.

Về công tác phòng, trong thời điểm dịch Covid-19, Bộ Ngoại giao Việt Nam cũng đã tổ chức các buổi trao tặng vật tư, thiết bị y tế cho nhiều quốc gia và đối tác của Việt Nam, thể hiện sự chủ động, tích cực cũng như mối quan hệ hữu nghị của Chính phủ và Nhân dân Việt Nam trong công cuộc đẩy lùi dịch bệnh, đồng thời, thể hiện hình ảnh của một Việt Nam đoàn kết, đồng lòng, tương thân tương ái. Ngoài ra, tính từ đầu năm 2020, Đại sứ quán, Lãnh sự quán Việt Nam tại nước ngoài đã tổ chức, kết hợp với các hãng hàng không và cơ quan liên quan của Việt Nam để đưa hàng nghìn công dân Việt Nam mắc kẹt trong đại dịch về nước, giúp cộng đồng người Việt tại nước ngoài nhanh chóng thoát khỏi tình trạng khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-198.

Như vậy có thể thấy, ngành Ngoại giao Việt Nam có vai trò rất quan trọng đã đóng góp to lớn vào công cuộc đẩy lùi dịch bệnh Covid-19 và nỗ lực phục hồi kinh tế đất nước, đồng thời giữ vững ổn định chính trị, xã hội, tạo lập môi trường hòa bình để tiến hành công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế sâu rộng.

**Câu 33: Thành tựu về đối ngoại của nhà nước Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế ?**

- Một là: Đảng ta đã có những chủ trương, chỉ đạo đúng đắn cho công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trên tất cả các trụ cột: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân.Chính phủ có nhiều Nghị định hướng dẫn, tổ chức triển khai công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

- Hai là: Củng cố môi trường hòa bình, tranh thủ điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển đất nước. Thiết lập quan hệ ngoại giao với 189/193 quốc gia thành viên Liên hợp quốc (30 nước có quan hệ Đối tác chiến lược, Đối tác toàn diện).Thiết lập quan hệ với 247 chính đảng ở 111 quốc gia. Có quan hệ với Quốc hội, nghị viện của hơn 140 nước....

- Ba là: Hội nhập kinh tế quốc tế có nhiều đột phá.Hơn 220 đối tác thương mại, 71 nước công nhận quy chế kinh tế thị trường. Tham qia và có quan hệ tốt đẹp với WTO, WB, IMF, APEC. Tham gia 15 FTA, trong đó có các FTA "thế hệ mới” như: CPTPP, EVFTA, RCEP

- Bốn là: Vị thế quốc tế của đất nước không ngừng được nâng cao. Thành viên của hơn 70 tổ chức, diễn đàn đa phương. 2 lần làm Chủ tịch ASEAN (2010,2020), 2 lần trúng cử Ủy viên không thường trực HĐBA Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2008-2009 và 2020-2021), 2 lần là nước chủ nhà APEC (2006, 2017)..

- Năm là: Bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ:

Cơ bản xây dựng được đường biên giới trên bộ hòa bình, hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng

Kiên quyết bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích chính đáng của đất nước trên biển

- Sáu là: Chăm lo cho cộng đồng, phát huy mạnh mẽ nguồn lực kiều bào

5 năm qua, chúng ta đã triển khai công tác bảo hộ hơn 50.000 công dân, trên 600 vụ việc/1.000 tàu/10.000 ngư dân. 800 chuyến bay đưa hơn 200.000 công dân về nước an toàn trong đại dịch COVID-19.

- Bảy là: Công tác ngoại giao y tế/ ngoại giao vaccine kịp thời, hiệu quả

Nước ta nhận được hơn 151 triệu liều vaccine và trang thiết bị y tế các viện trợ vật tư y tế và tài chính cho hơn 50 quốc gia, tổ chức quốc tế

**Câu 34: Tính ưu việt của Nhà nước XHCN mà nhân dân ta đang xây dựng?**

**Có 8 tính ưu việt mà Nhà nước ta đang hướng tới là:**

- Đặc trưng thứ nhất: dân giàu nước mạnh dân chủ công bằng văn minh. Đây là đặc trưng cơ bản nhất, tổng quát nhất chi phối các đặc trưng khác, bởi nó thể hiện mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh … là công bằng hợp lý mọi người đều được hưởng quyền tự do dân chủ được sống cuộc sống hạng phúc tự do ấm no. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng phải hướng tới việc hiện thực hóa đầy đủ, đồng bộ hệ mục tiêu: dân giàu nước mạnh dân chủ công bằng văn minh. Đây là khát vọng tha thiết của toàn thể nhân dân Việt Nam sau khi đất nước giành được độc lạp và thống nhất Tổ quốc.

- Đặc trưng thứ hai: do nhân dân làm chủ. Nhân dân chính là cốt lõi của đất nước, bản chất ưu việt chính trị của chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa trên cơ sở kế thừa giá trị quan điểm chủ nghĩa mác-lenin sự nghiệp accsh mạng là của quần chúng nhân dân; kế thừa ngững giá trị trong tư tưởng của chủ tịch vĩ đại Hồ Chí Minh: dân chủ tức là dân là chủ, dân làm chủ. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội trong đặc trưng vừa nêu còn được thể hiện trong nhận thức của Đảng ta về việc từng bước hoàn thiên nền dân chủ xã hội chủ nghĩa gắn liền với việc đảm bảo tất cả quyền lực Nhà nước thược về nhân dân ( nhân dân là chủ thể của mọi quyền lực). Nhân dân chính là chủ thể của xã hội chủ nghĩa của Nhà nước lấy nhân dân làm trung tâm của mọi hoạt động trong Đảng ta.

- Tính ưu việt thứ ba: có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế động công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Đây là đặc trưng thể hiện tính ưu việt trên lĩnh vực kinh tế của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng so với các chế độ xã hội khác. Khi bàn về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Đảng ta tiếp tục khẳng định quan điểm: kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

- Tính ưu việt thứ tư: có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nhân dân ta đang xây dựng thể hiện khái quát, nhân văn của văn hóa nhân loại; ở việc giữ gìn bản sắc dân tộc( những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam: chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, truyền thống đoàn kết và nhân ái, ý thức về độc lập, tự do, tự cường dân tộc,..) Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, mang đậm bản sắc dân tộc đòi hỏi vừa phải tiếp thu những giá trị của tinh hoa văn hóa nhân loại, vừa phải kế thừa, phát triển bản sắc văn hóa của các tộc người Việt Nam, xây dựng nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng. Sự kết hợp hài hòa những giá trị tiên tiến với những giá trị mang bản sắc dân tộc thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng trên lĩnh vực văn hóa, làm cho văn hóa trở thành sức mạnh nội sinh quan trọng của phát triển.

-Tính ưu việt của CNXH mà nhân dân ta đang xây dựng không chỉ được thể hiện trong đặc trưng tổng quát dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mà còn được thể hiện qua đặc trưng về con người trong xã hội XHCN. Về phương diện

con người, CNXH đồng nghĩa với chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo: tất cả vì con người, cho con người và phát triển con người toàn diện.

- Tính ưu việt của CNXH mà nhân dân ta đang xây dựng các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.Đặc trưng này thể hiện tính ưu việt trong chính sách dân tộc, giải quyết đúng các quan hệ dân tộc (theo nghĩa hẹp là quan hệ giữa các tộc người) trong quốc gia đa dân tộc Việt Nam.

- CNXH mà nhân dân ta đang xây dựng thể hiện trong tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Tính ưu việt của một xã hội do nhân dân làm chủ gắn bó mật thiết với tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền XHCN.

- CNXH mà nhân dân ta đang xây dựng không chỉ thể hiện tính ưu việt trong các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội mà còn thể hiện trong quan hệ đối ngoại, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Việt Nam luôn luôn khẳng định quan hệ hữu nghị và hợp tác giữ nhân dân ta và nhân dân các nước trên thế giới. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế… Đảng và Nhà nước ta chủ trương hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị - xã hội khác nhau trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hiệåp Quốc và luật pháp quốc tế.

**Câu 35. Những tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường đến văn hóa, đạo đức của xã hội Việt Nam hiện nay?**

Những tác động tiêu cực đến văn hóa:

- Xuất hiện xu hướng thương mại hóa trong hoạt động văn hóa nghệ thuật, làm cho chức năng giáo dục tư tưởng và thẩm mĩ của văn học, nghệ thuật bị suy giảm, một số hoạt động văn hóa bị lợi dụng, biến tướng để nhằm trục lợi…

- Chạy theo mục đích kinh tế đơn thuần trong hoạt động văn hóa, vì muốn thu hút du khách đến tham quan và lợi ích trước mắt, một số hoạt động truyền thống đã đánh mất mình bằng việc chiều theo thị hiếu của người xem.

- Đảo lộn hệ giá trị của văn hóa, con người Việt Nam

- Kinh tế thị trường làm biến dạng nhiều giá trị tinh thần dẫn đến đánh mất bản sắc văn hoá dân tộc

Những tác động tiêu cực đến đạo đức:

- Lối sống thực dụng, sùng bái đồng tiền, cá nhân vị kỷ, tham nhũng, tệ nạn xã hội mỗi ngày một phát triển; nạn thất nghiệp, ô nhiễm môi trường, sinh thái, bệnh tật hiểm nghèo, tệ nạn xã hội tràn lan...

- Chính nền kinh tế thị trường đã tạo ra căn bệnh sùng bái đồng tiền.

- Dễ nảy sinh tham nhũng, tội phạm, kích thích lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, chỉ chú ý lợi ích cá nhân mà coi nhẹ lợi ích cộng đồng.

**Câu 36: Những thành tựu nổi bật về phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay?**

- Sau 35 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đưa nước ta từ một trong những quốc gia nghèo nhất thế giới trở thành quốc gia có thu nhập trung bình thấp và ngày càng hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới; đời sống của người dân ngày càng được cải thiện, vị thế và uy tín của đất nước ta trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Đóng góp vào những thành quả to lớn này của phát triển đất nước có vai trò hết sức quan trọng của ngành Công Thương với việc Việt Nam đã và đang dần khẳng định được vị thế là một trong những trung tâm sản xuất công nghiệp của khu vực và của thế giới.

- Việt Nam đã vươn lên trở thành một trong những quốc gia có nền công nghiệp có năng lực cạnh tranh toàn cầu (CIP) ở mức khá cao, thuộc vào nhóm các quốc gia có năng lực cạnh tranh công nghiệp trung bình cao với vị trí thứ 44 trên thế giới vào năm 2018 theo đánh giá của UNIDO.

- Công nghiệp là ngành có tốc độ tăng trưởng cao nhất trong các ngành kinh tế quốc dân với đóng góp xấp xỉ 30% GDP và trở thành ngành xuất khẩu chủ lực của đất nước, góp phần đưa Việt Nam lên vị trí thứ 22 quốc gia xuất khẩu lớn nhất thế giới vào năm 2018.

- Một số ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn theo định hướng chiến lược của ta đã trở thành các ngành công nghiệp lớn nhất đất nước, qua đó đưa nước ta cơ bản đã hội nhập thành công vào chuỗi giá trị toàn cầu với sự dẫn dắt của một số doanh nghiệp công nghiệp lớn như điện tử, dệt may, da giày…

**Câu 37: Vai trò của bản thân trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam giai đoạn phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay ?**

a.Khái niệm:

Bản sắc văn hóa dân tộc là giá trị cốt lõi nhất của nền văn hóa, thể hiện tâm hồn, cốt cách, tình cảm, lý trí, sức mạnh của dân tộc, tạo nên chất keo kết nối các cộng đồng người gắn bó, đoàn kết với nhau để cùng tồn tại và phát triển. Những giá trị của bản sắc văn hóa dân tộc là một trong những động lực to lớn đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của quốc gia dân tộc.

B. Vai trò :

Hiện nay, phát triên kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế là quy luật khách quan cho nên sinh viên cần tỉnh táo, thông minh trong quá trình hội nhập để không bị hòa tan , đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc :

- Cần xây dựng bản lĩnh văn hóa, sẵn sàng đấu tranh với những hoạt động văn hóa không lành mạnh.

- Cần tiếp tục đẩy mạnh việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, tác phong sống trong sinh viên và coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, cần thường xuyên thực hiện tốt.

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu liên quan lịch sử hào hùng, truyền thống văn hóa của đất nước, của quê hương.

-Tuyên truyền cho mọi người biết vai trò của bản sắc dân tộc đối với một quốc gia để cùng chung tay gìn giữ và phát triển .

-Trước những thách thức và khó khăn mà đất nước đang phải đối mặt thì sinh viên cần phải có 1 tâm thế vững vàng, quyết tâm chung tay, sẵn sàng hỗ trợ ở mọi phương diện để có thể vượt qua khó khăn .

-Đặc biệt kiên quyết đấu tranh đối với những biểu hiện vô cảm; khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái trong tuổi trẻ.

Gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam trong thời kì phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế hiện nay là nhiệm vụ quan trọng , cấp bách và cần thiết .

**Câu 38: Sinh viên cần làm gì để tránh “nguy cơ tha hóa”, làm mất bản sắc dân tộc và đánh mất bản thân mình?**

Trước tiên ta cần hiểu được khái niệm bản sắc dân tộc và nguyên nhân tha hóa, sau đó đưa ra giải pháp tránh nguy cơ tha hóa làm mất bản sắc dân tộc và đánh mất bản thân mình. Bản sắc dân tộc là mỗi một quốc gia, mỗi một dân tộc sẽ có những bản sắc văn hóa riêng và hình thành nên nét đặc trưng của từng dân tộc. Bản sắc chính là những cá tính khác nhau của một cá thể hay một nhóm nhiều cá thể của một nhóm nhỏ hoặc nhóm xã hội đặc trưng. Theo giáo sư Tâm lý học Peter Weinreich, đại học Ulster: “Bản sắc của một cá thể là tổng thể của phân giải cá nhân, qua đó cách mà cá thể phân giải chính mình ở hiện tại được tiếp tục từ cách cá thể phân giải chính mình trong quá khứ, cũng như truyền cảm hứng cho tiến trình phân giải chính mình trong tương lai”.Bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam là những giá trị tinh thần và vật chất đăc trưng tồn tại song song và trường tồn mãi mãi trong mỗi dân tộc.

Nguyên nhân dẫn đến việc bị tha hóa làm mất bản sắc dân tộc là do lao động của người dân gây nên, đồng thời cũng là do chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất nên lao động không phải là để sáng tạo mà chỉ để đảm bảo sự tồn tại của thể xác. Bên cạnh đó thì an ninh phi truyền thông đang dần trở thành những mối thách thức, đe dọa gay gắt đến bản sắc dân tộc. Đặc biệt là những người ấy biểu hiện nhiều mặt trong xã hội, thách thức vấn đề tồn tại và phát triển của xã hội. Gây áp lực lên các nhà kinh tế, chính trị, ảnh hưởng đến việc phát triển đất nước.

Sinh viên cần làm những việc sau để tránh “nguy cơ tha hóa”, làm mất bản sắc dân tộc và đánh mất bản thân mình:

+ Mỗi sinh viên phải tự mình phấn đấu, rèn luyện, tự trau dồi cho bản thân những kỹ năng cần thiết, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nỗ lực rèn luyện vì lợi ích chung của cộng đồng và vì chính sự phát triển của cá nhân. Quan trọng hơn, các bạn trẻ cần xây dựng bản lĩnh văn hóa, sẵn sàng đấu tranh với những hoạt động, sản phẩm văn hóa không lành mạnh.

+ Với trách nhiệm của mình, Hội Sinh viên Việt Nam cần tiếp tục đẩy mạnh việc giáo dục tư tưởng, đạo đức, tác phong sống trong sinh viên và coi đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, cần thường xuyên thực hiện tốt. Đẩy mạnh tổ chức các cuộc thi tìm hiểu liên quan lịch sử hào hùng, truyền thống văn hóa của đất nước, của quê hương. Hơn nữa, phải chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong tổ chức các hoạt động định hướng cho sinh viên tiếp thu những mặt tích cực, tiên tiến của văn hóa hiện đại; đồng thời khơi dậy tinh thần tự hào dân tộc, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của dân tộc. Kiên quyết đấu tranh đối với những biểu hiện vô cảm; khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái trong tuổi trẻ.

+ Hội Sinh viên Việt Nam các cấp cần trở thành mái nhà chung ấm áp để sinh viên đóng góp, cống hiến trong các phong trào Hội.

+ Hội Sinh viên cần tạo nhiều hơn nữa các sân chơi lành mạnh để đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi và giải trí của hội viên, sinh viên. Khuyến khích và tạo mọi điều kiện để sinh viên đăng ký và tham gia nghiên cứu, thực hiện các đề tài khoa học, trong đó chú trọng các đề tài liên quan bảo vệ, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

+ Những hội viên và quan trọng hơn là những cán bộ nòng cốt của Hội phải là những người tiên phong đi đầu, làm gương trong công tác này, chủ động xây dựng tác phong, lối sống đẹp, sống có ích... và động viên, khuyến khích các bạn trẻ hưởng ứng. Được như vậy, vai trò của Hội Sinh viên trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc sẽ nhanh chóng được khẳng định

**Câu 39: Trách nhiệm của sinh viên trong việc phòng, chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân?**

Chủ nghĩa cá nhân là luôn đặt lợi ích của cá nhân mình lên trên hết, trước hết, không quan tâm đến lợi ích của cộng đồng, thậm chí chà đạp lên lợi ích của người khác để đạt được lợi ích của bản thân.

Để sinh viên Việt Nam thực hiện tốt nhiệm vụ của mình góp phần thúc đẩy đất nước phát triển, sánh vai với các cường quốc năm châu thì phải có năng lực, kiến thức và đạo đức cách mạng, chiến thắng chủ nghĩa cá nhân.

Bên cạnh đội ngũ sinh viên đang miệt mài học tập, rèn luyện, có hoài bão, lý tưởng lập thân, lập nghiệp, vì sự phát triển của bản thân và tiền đồ của đất nước, vẫn còn một bộ phận sinh viên sa vào chủ nghĩa cá nhân ở những mức độ khác nhau.

Sinh viên là lực lượng trẻ có nhiệt huyết, trí tuệ có vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình góp phần thúc đẩy đất nước phát triển, sánh vai với các cường quốc năm châu mỗi sinh viên chúng ta cần phải:

+ Có năng lực, kiến thức và đạo đức cách mạng.

+ Bản thân phải chiến thắng được chủ nghĩa cá nhân.

+ Miệt mài học tập, sống có hoài bảo ước mơ, muốn công hiến sức trẻ cho đất nước.

+ Tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện, đồng cảm trước những nỗi đau, sự bất hạnh của những người chung quanh.

+ Không quản ngại khó khăn, vất vả của bản thân, sẵn sàng đến những vùng xa xôi, hẻo lánh của đất nước khi Tổ quốc cần.

+ Lên án mạnh mẽ những biểu hiện hành động tiêu cực, phi nhân văn.

+ Giúp đỡ khi thấy người khác gặp khó khăn, hoạn nạn, trước những cảnh bất bình.

+ Đặt lợi ích chung của tập thể lên trước lợi ích cá nhân.

+ Đổi mới giáo dục trong các trường đại học, trong đó chú trọng giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống.

+ Tăng cường thu hút sinh viên tham gia hoạt động vì cộng đồng.

+ Phổ biến sâu rộng những tấm gương tốt, biết hy sinh, cống hiến cho xã hội, phê phán những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân.

+ Giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên. Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân chỉ thực sự có hiệu quả khi mỗi cán bộ, đảng viên hiểu rõ mục tiêu lý tưởng, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; tiêu chuẩn, tư cách, đạo đức cách mạng của người cộng sản.

+ Tuyên truyền sâu rộng cuộc vận động “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, xác định các tiêu chí về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

+ Tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng, củng cố mối liên hệ mật thiết với nhân dân. Đây là nội dung quan trọng tác động trực tiếp đến nhận thức và hành động của đội ngũ cán bộ, đảng viên, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng nước ta qua các giai đoạn lịch sử.

+ Mỗi sinh viên, đảng viên cần nêu cao tinh thần đoàn kết thống nhất trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình yêu thương đồng chí; luôn “giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”.

+ Đoàn kết thống nhất trong Đảng là cơ sở để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

**Câu 40: Vai trò của quần chúng nhân dân trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở việt Nam**?

+ Quần chúng nhân dân giữ vai trò quyết định trong sản xuất ra của cải vật chất, đảm bảo cho xã hội tồn tại, phát triển

Vì sản xuất vật chất là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người, mà quần chúng nhân dân là lực lượng cơ bản để tiến hành sản xuất vật chất, làm cho lực lượng sản xuất phát triển.

+ Con người muốn tồn tại phải có các điều kiện vật chất cần thiết, mà những sản phẩm vật chất đó chỉ có thể được đáp ứng thông qua sản xuất

+ Lực lượng sản xuất đông đảo là lao động trí óc và lao động chân tay: họ là người sáng tạo, cải tạo và trực tiếp sử dụng công cụ sản xuất tác động vào đối tượng lao động tạo ra của cải vật chất nuôi sống xã hội. Cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất

+ Song, vai trò của khoa học chỉ có thể được phát huy thông qua thực tiễn sản xuất của quần chúng nhân dân lao động, nhất là đội ngũ công nhân hiện đại và trí thức trong nền sản xuất xã hội của thời đại kinh tế trí thức.

Bằng hoạt động thực tiễn của mình, quần chúng nhân dân trực tiếp biến đường lối chính sách kinh tế thành hiện thực.

Điều đó khẳng định rằng, hoạt động sản xuất của quần chúng nhân dân là điều kiện cơ bản để quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội.

+ Quần chúng nhân dân là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội

Họ là lực lượng cơ bản của cách mạng, đóng vai trò quyết định thắng lợi của mọi cuộc cách mạng.

Cách mạng là ngày hội của quần chúng là sự nghiệp của quần chúng. Bởi vậy, nhân dân lao động là chủ thể của các quá trình kinh tế, chính trị, xã hội, đóng vai trò là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội. Thực tế đã chỉ rõ không có cuộc cách mạng xã hội nào mà chỉ có cá nhân lãnh tụ, không có quần chúng nhân dân.

+ Quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra các giá trị văn hóa tinh thần. Vì quần chúng nhân dân là người sáng tạo ra đời sống vật chất thì cũng quyết định đời sống tinh thần của xã hội

+ Quần chúng nhân dân đóng vai trò to lớn trong sự phát triển của khoa học nghệ thuật, văn học đồng thời áp dụng những thành tựu đó vào thực tiễn. Những sáng tạo về văn học, nghệ thuật, khoa học, y học, quân sự, kinh tế, chính trị, đạo đức…của nhân dân vừa là cội nguồn, vừa là điều kiện để thúc đẩy sự phát triển của nền văn hóa tinh thần của các dân tộc trong mọi thời đại

+ Lịch sử tồn tại, phát triển của dân tộc Việt Nam đã chứng minh vai trò sức mạnh của quần chúng nhân dân đối với sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Danh nhân văn hóa Nguyễn Trãi đã khẳng định: “Chở thuyền cũng là dân, lật thuyền cũng là dân, thuận lòng dân thì sống, nghịch lòng dân thì chết”. Đảng cộng sản Việt Nam cũng khẳng định rằng: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quan điểm “lấy dân làm gốc” trở thành tư tưởng thường trực trong mọi hoạt động sáng tạo của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

**Câu 41: Vai trò của quần chúng nhân dân trong phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc" ở địa phương?**

• Quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo, là nền tảng cho một nước, là gốc rễ của một dân tộc, là động lực chính để thúc đẩy sự phát triển của xã hội.Chủ nghĩa Mác-Lê nin lần đầu tiên đã phát hiện và khẳng định vai trò của quần chúng nhân dân quyết định sự phát triển của xã hội, chính nhân dân lao động là người làm nên lịch sử

• Quần chúng nhân dân có sức mạnh vô cùng to lớn. Sức mạnh đó chỉ có thể phát huy tác dụng khi lực lượng công an biết dựa vào dân, biết phát huy tính tích cực của nhân dân, biết đoàn kết nhân dân tạo thành sức mạnh tổng hợp

• Quần chúng nhân dân là ngọn đèn pha soi sáng, chỉ đường cho sự nghiệp cách mạng nói chung và cuộc đấu tranh bảo vệ ANTT nói riêng.

• Quần chúng nhân dân có khả năng phát hiện, quản lý, giáo dục, cải tạo

các loại tội phạm để thu hẹp dần đối tượng phạm tội.

• Phát huy tốt vai trò nòng cốt của lực lượng công an nhân dân trong xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn.

• Chú trọng nhân rộng các gương điển hình, mô hình hay để bồi dưỡng, phát huy và nhân rộng trong xã hội.

- Vai trò của “tổ tự quản” : - thắt chặt tình quân-dân

- an ninh, trật tự được nâng cao bảo vệ

- Xây dựng mô hình “dòng họ an toàn- đoàn kết- văn hóa”:

+ Giúp đỡ nhau chấp hành nghiêm chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước; tình đoàn kết giữa các gia đình trong dòng họ ngày càng bền chặt.

+Thường xuyên chăm lo, giáo dục truyền thống cách mạng, tinh thần hiếu học của dòng họ cho con cháu, góp phần xây dựng gia đình văn hoá, quê hương giàu mạnh

- Ngoài ra còn có rất nhiều phong trào và mô hình khác như: “Tổ liên gia”, ; mô hình “2 không, 1 có”, “3 tăng, 3 giảm”, ; “Phòng, chống tội phạm trên tuyến biên giới”; “Tuổi trẻ với pháp luật”, “Thanh niên xung kích, tình nguyện”, tổ an ninh nhân dân, tổ dân phòng, “Xứ, họ đạo tiên tiến"; "Gia đình Công giáo gương mẫu". Mô hình “Quản lý, giáo dục, giúp đỡ người chấp hành xong án phạt tù, đi cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng trở về địa phương”..... đều có vai trò góp phần phát huy tinh thần tự giác của nhân dân, sự cảnh giác với các thế lực thù địch trong và ngoài nước, trách nhiệm của mỗi cộng đồng xã hội trong thực hiện phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc".

**Câu 42: Anh (chị) cần làm gì để góp phần phát triển đất nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay?**

• Ra sức học tập để nâng cao trình độ, nhận thức để sau này kế thừa sự nghiệp quản lí đất nước.

• Chủ động học hỏi những cái mới, tiếp thu sự tiến bộ của khoa học kĩ thuật, công nghệ hiện đại

• Bảo vệ môi trường, giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp.

• Có phẩm chất đạo đức tốt; tinh thần xung phong tình nguyện và ý thức chia sẻ cộng đồng cao.

• Giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, phát huy các truyền thống tốt đẹp.

• Luôn luôn học hỏi, giao lưu với các bạn sinh viên ngoại quốc khi có điều kiện.

• Giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

• Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn để có thể chủ động tự tin hơn trong quá trình hội nhập quốc tế.

• Trang bị cho bản thân một số kỹ năng cần thiết như giao tiếp, trình bày, xử lí tình huống... và hơn nữa là có trình độ ngoại ngữ ổn định.

• Có thái độ không đồng tình đối với các bạn trẻ ham chơi, bỏ bê việc học.

• Tuyên truyền cho các mọi người nói chung và các bạn sinh viên nói riêng về vấn đề hội nhập quốc tế của đất nước từ đó mọi người cùng nhau thực hiện tốt các biện pháp và chính sách mà nhà nước đã đề ra.

• Phản đối và báo với cơ quan có thẩm quyền đối với những người có hành động gây rối, phản động, gây mất an ninh trật tự xã hội.

• Không ngừng rèn luyện thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm cho bản thân; tích cực, chủ động tự học, bồi dưỡng, rèn luyện về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của xu thế toàn cầu hóa, mở cửa, hội nhập và phát triển nền kinh tế tri thức.

• Chủ động tiếp thu nhanh nhạy những thành tựu và đổi mới về khoa học công nghệ hiện đại; năng động sáng tạo, luôn chủ động học hỏi những cái mới và tiến bộ nhân loại.

**Câu 43: Một số giải pháp phát huy nguồn lực con người trong phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay?**

• Hoàn thiện hệ thống giáo dục và đào tạo ở các cấp, theo hướng mở, hội nhập, sắp xếp lại hệ thống giáo dục.

• Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về giáo dục đào tạo, đổi mới căn bản, giáo dục truyền thống sang giáo dục hiện đại, học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn.

• Tích cực đổi mới, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về xây dựng, phát huy nguồn lực con người trong phát triển kinh tế xã hội

• Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa hình thức đào tạo nghề ở từng lĩnh vực.

• Coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo, kỹ năng thực hành, phát triển hệ thống đào tạo nghề theo hướng hiện đại, phù hợp với nhu cầu thị trường lao động

• Tăng cường quản lý Nhà nước có hiệu lực, hiệu quả để thực hiện quyền lực của nhân dân, phát huy các nguồn nhân lực.

• Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động nhằm phát huy có hiệu quả các nguồn lực trong các tầng lớp Nhân dân, trong đông đảo đoàn viên, hội viên.

• Hoàn thiện thể chế bảo đảm cho quyền, lợi ích chính đáng, môi trường bình đẳng và điều kiện thuận lợi cho phát triển.

• Nhà nước cần tạo cơ chế và chính sách đảm bảo sự bình đẳng giữa nền kinh tế tư nhân và các thành phần kinh tế khác.

• Cần có chính sách đối phó về mất cân bằng giới tính và già hóa dân số

• Tuyên truyền góp phần cho người dân hiểu về những chính sách phát triển nguồn nhân lực.

• Tập trung đào tạo giáo dục cho thanh niên nhận thức đúng về vai trò, trách nhiệm và cơ hội để họ phấn đấu, cống hiến cho đất nước.

• Bên cạnh nâng cao trình độ học vấn và năng lực chuyên môn, thanh niên cần phải rèn luyện đạo đức, lối sống, đổi mới về nhận thức.

• Phát triển kinh tế đất nước: tạo ra các điều kiện vật chất, cơ sở kinh doanh, sử dụng nguồn lực con người ở mọi góc độ. Cần mở rộng nhiều thành phần kinh tế, mở rộng nhiều ngành nghề, ưu đãi đầu tư, giảm thuế.

• Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.

• Nhà nước có các chính sách hỗ trợ cho người lao động nâng cao trình độ kỹ năng về KH-CN, ứng dụng internet trong công việc.

• Tăng cường nhận thức về vai trò, vị trí và tầm quan trọng của nhân lực chất lượng cao trong sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

• Giải pháp về tâm lý, văn hóa, xã hội: phát huy nét văn hóa riêng của Việt Nam - Cần cù, chịu khó, tương thân tương ái. Coi trọng giáo dục đạo đức, lối sống, năng lực sáng tạo.

**Câu 44. Ý nghĩa trong việc phát huy nhân tố con người ở nước ta hiện nay**

• Giải quyết vấn đề con người, từng bước thoát khỏi thần quyền và bạo quyền, phát triển toàn diện cá nhân, gia tang giá trị con người

• Ngày nay, việc xây dựng con người Việt Nam hiện đại là yêu cầu cấp bách.

• Việc nhận thức đúng đắn về khái niệm nhân tố con người là sự phát triển sáng tạo quan điểm Mác - Lênin về con người với tư cách là người sáng tạo có ý thức, là chủ thể của lịch sử

Phương pháp:

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, nâng cao hiệu quả giáo dục, phát triển nguồn nhân lực

Ba là, ổn định chính trị và mở rộng phát huy dân chủ.

Bốn là, mở rộng giao lưu, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Năm là, đẩy mạnh việc đấu tranh tham nhũng, làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước

**Câu 45. Ý nghĩa thực tiễn của mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội với ý thứcxã hội**

• Vận dụng mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, Đảng đã xác định đúng đắn đường lối phát triển kinh tế gắn chặt với công bằng xã hội và phát triển mạnh mẽ văn hóa giàu bản sắc dân tộc ở nước ta, đó là điều kiện đảm bảo sự thành công và bền vững cho tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

• Chính việc giải quyết tốt những vấn đề xã hội là điều kiện quyết định để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

• quyết định chiều hướng phát triển của xã hội, là nguyên tố quan trọng tạo nênthắng lợi của cuộc đổi mới đất nước

• phát huy tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, lòng yêu nước, ý thức tự hào, tự tôn dân tộc, truyền thống cách mạng và lịch sử bản sắc dân tộc

**Câu hỏi lý thuyết triết học**

1/ Trình bày định nghĩa vật chất của Lênin. (Tr.1)

2/ Trình bày phương thức tồn tại của vật chất. (Tr.2)

3/ Trình bày nguồn gốc của ý thức.  (Tr.5)

4/ Trình bày bản chất của ý thức. (Tr.7)

5/ Trình bày kết cấu của ý thức (8)

6/ Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất và ý thức (tr.11)

7/Trình bày Nguyên lý mối liên hệ phổ biến. (tr.13)

8/ Trình bày cơ sở lý luận của quan điểm toàn diện và quan điểm lịch sử cụ thể ? (tr.14)

9/ Trình bày nguyên lí của sự phát triển (tr.16)

10/ Trình bày cặp phạm trù nguyên nhân và kết quả (tr.21)

11/Trình bày cặp phạm trù tất nhiên, ngẫu nhiên (tr.23)

13/ Trình bày cặp phạm trù nội dung và hình thức. (24)

14/ Trình bày cặp phạm trù bản chất và hiện tượng.

15/ Trình bày cặp phạm trù khả năng và hiện thực. (28)

16/ Trình bày quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại. (29)

17/ Trình bày quy luật thống nhất và đấu tranh các mặt đối lập. (31)

18/ Trình bày quy luật phủ định của phủ định (34)

19/ Trình bày tầm quan trọng của hoạt động thực nghiệm khoa học trong phạm trù thực tiễn. (36)

20/Trình bày vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. (38)

21/ Trình bày biện chứng của con đường nhận thức? (40)

22/ Trình bày vai trò của sản xuất vật chất đối với sự tồn tại và phát triển xã hội. (42)

23/ Trình bày quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với trình độ của lực lượng sản xuất? (44)

24/ Trình bày mối quan hệ biện chứng giữa Cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng? (47)

26/ Đặc điểm đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay (50)

27/ Trình bày mối quan hệ giai cấp, dân tộc và nhân loại (52)

28/ Trình bày các chức năng cơ bản của nhà nước. (55)

29/ Trình bày tích các kiểu và hình thức nhà nước trong lịch sử (56)

30/ Trình bày sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên.

31/ Trình bày nội dung tính độc lập tương đối của ý thức xã hội với tồn tại xã hội (61)

32/ Trình bày nội dung hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người. (63)

33/ Trình bày quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội (65)

34/Trình bày mối quan hệ giữa lãnh tụ và quần chúng nhân dân trong lịch sử (67)

35/ Trình bày nội dung vai trò của quần chúng nhân dân trong sự phát triển xã hội (68)

36/Trình bày vấn đề con người trong sự việc đổi mới hiện nay (70)

37/Trình bày vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam (72)

***CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG***

Chủ nghĩa: là hệ thống những quan điểm, tư tưởng đóng vai trò là nền tảng lý luận để định hướng con người theo một hướng, mục tiêu nào đó (dựa trên cơ sở lý luận duy vật biện chứng)

phương pháp DVBC = chủ nghĩa DVBC

**I. Vật chất và ý thức (VC & YT)**

**1. Vật chất**

* Tiền không phải VC, tiền thuộc về VC
* Những tồn tại độc lập với YT của con người thuộc về VC
* Mọi sự vật cụ thể (con người rờ sờ nắn bóp được) ko phải VC, nó thuộc về VC
* 1.1. Quan điểm của CNDV trước Mác về VC và những hạn chế cơ bản của nó
  + CNDV trước Mác :
    - Quan niệm bản chất của thế giới là VC. VC là 1 hay 1 số chất đầu tiên tạo nên mọi sự vật, hiện tượng trong vũ trụ
  + Hạn chế:
    - đã đồng nhất VC với vật thể cụ thể
    - → không xác định đúng mối quan hệ giữa VC & YT
    - → Là CNDV ko triệt để
* 1.2. Quan điểm của CNDV biện chứng về VC
  + (?1) **Lenin đưa ra định nghĩa** : VC là một phạm trù triết học dùng để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không lệ thuộc vào cảm giác
  + **Nội dung cần lưu ý:**
    - VC dùng để chỉ “thực tại khách quan”
      * Thực tại khách quan là tất cả những gì tồn tại ngoài YT, không phụ thuộc vào YT
      * Tồn tại ngoài YT, không phụ thuộc vào YT là tồn tại khách quan

→ Thực tại khách quan là tất cả những gì tồn tại khách quan

* + - “Tồn tại khách quan” là thuộc tính quan trọng nhất của VC
    - VC khi tác động vào các giác quan của con người thì gây ra cho con người cảm giác
    - Con người có thể nhận thức được VC thông qua các giác quan
  + “Thực tại là tất cả những gì tồn tại”
  + “Hiện tại là tất cả những gì **ĐANG** tồn tại”
  + Mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội:
    - Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội
    - Ý thức xã hội thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội
    - Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội
    - Ý thức xã hội tác động trở lại tồn tại xã hội
  + Ý nghĩa định nghĩa :
    - Khắc phục hạn chế các quan điểm của CNDV trước Mác về VC
    - Tạo được luận cứ khoa học cho việc nhận thức VC trong cả tự nhiên và XH
    - Bước đầu giải quyết vấn đề cơ bản của triết học trên quan điểm DVBC
* 1.3 . Quan điểm của CNDVBC về những phương thức, hình thức tồn tại của VC:
  + (?2) Phương thức tồn tại: Vận động
    - Vận động là thuộc tính cố hữu của vật chất. Sự tồn tại của vật chất là tồn tại bằng cách vận động. Vận động của vật chất là tự thân vận động và mang tính phổ biến.
    - Vận động là phương thức tồn tại của vật chất; do đó, nó tồn tại vĩnh viễn, không thể tạo ra và không bị tiêu diệt.
  + 3 hình thức tồn tại: Vận động, Không gian, Thời gian
  + Vận động
    - Khái niệm : Vận động là dùng để chỉ mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ
    - Nguyên nhân của sự vận động: Do sự tác động lẫn nhau của chính các thành tố nội tại trong cấu trúc vật chất
    - Tác động tạo ra biến đổi → gọi là nguyên nhân và kết quả

→ Vận động là **TUYỆT ĐỐI**

* + - Đứng im là một trạng thái đặc biệt của VĐ - VĐ trong cân bằng

→ Đứng im là tương đối, tạm thời

* + Không gian
  + Thời gian

**2. Ý thức**

* 2.1. **Định nghĩa**: YT là **hình ảnh chủ quan** của thế giới khách quan
* 2.2. Nguồn gốc của ý thức:

(?3)

* + Nguồn gốc tự nhiên
    - Bộ não người
    - Thế giới khách quan (con người muốn có ý niệm về cái gì đó phải có cái đó ở thế giới khách quan)

→ Bộ não người và thế giới khách quan đều thuộc về vật chất

* + - Nguồn gốc tự nhiên của ý thức được thể hiện qua sự hình thành của bộ óc con người và hoạt động của bộ óc đó cùng với mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan; trong đó, thế giới khách quan tác động đến bộ óc con người tạo ra quá trình phản ánh sáng tạo, năng động
  + Nguồn gốc xã hội
    - Ý thức là sự phản ánh thế giới bởi bộ óc con người là sự khác biệt về chất so với động vật. Do sự phản ánh đó mang tính xã hội, sự ra đời của ý thức gắn liền với quá trình hình thành và phát triển của bộ óc người dưới ảnh hưởng của lao động, của giao tiếp và các quan hệ xã hội (của lao động và ngôn ngữ).
    - Lao động
      * Nhờ lao động, thông qua lao động, con người tồn tại với tư cách là người, sáng tạo ra kết quả nhận thức của mình về thế giới khách quan
    - Ngôn ngữ
      * Bộc lộ, phản ánh hình ảnh chụp chép về thế giới khách quan
* 2.3. Bản chất của YT
  + (?4) Là sự phản ánh năng động, sáng tạo thế giới khách quan vào bộ não người; là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan
    - Phản ánh năng động, sáng tạo: khả năng tiếp nhận, xử lý, phát hiện ý nghĩa của thông tin; sáng tạo thông tin mới
    - Hình ảnh chủ quan về TGKQ: Hình ảnh về TGKQ đã bị chủ quan của con người cải biến đi

Con người là thực thể sinh học - xã hội chịu sự chi phối của các quy luật khác nhau, nhưng thống nhất với nhau

* (?5) Kết cấu của ý thức:
  + Có thể chia cấu trúc của ý thức theo hai chiều: Theo chiều ngang: Bao gồm các yếu tố như tri thức, tình cảm, niềm tin, lý trí, ý chí..., trong đó tri thức là yếu tố cơ bản, cốt lõi. Theo chiều dọc: Bao gồm các yếu tố như tự ý thức, tiềm thức, vô thức, trong đó tự ý thức ở cấp độ sâu nhất.

**3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức**

* Mối quan hệ giữa hai mặt trong 1 vấn đề:
  + Mặt đầu tiên có vai trò quyết định
  + Mặt thứ hai có vai trò tác động trở lại
* \*\* Vật chất là A, ý thức là A’. Muốn có A’ thì phải có A và có ý niệm của con người

(?6)

* 3.1. Vật chất quyết định ý thức
  + Vật chất quyết định sự ra đời của ý thức
  + Những nội dung của ý thức đều là sự phản ánh từ hiện thực khách quan
    - Tức là: khi hiện thực khách quan thay đổi thì nội dung của ý thức cũng sẽ thay đổi theo
* 3.2. Ý thức tác động trở lại vật chất
  + Thông qua hoạt động thực tiễn của con người bao gồm 3 hoạt động cơ bản:
    - Sản xuất vật chất
    - Chính trị xã hội
    - Thực nghiệm khoa học
  + Theo 2 hướng:
    - Thúc đẩy sự phát triển
    - Kìm hãm sự phát triển

**II. Các nguyên lý tổng quát của phép biện chứng duy vật**

**1. Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến**

abbr: sự vật, hiện tượng : SVHT

(?7) Nguyên lý về mối liên hệ phổ biến: là nguyên tắc lý luận xem xét sự vật, hiện tượng khách quan tồn tại trong mối liên hệ, ràng buộc lẫn nhau tác động, ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sự vật, hiện tượng hay giữa các mặt của một sự vật, của một hiện tượng trong thế giới.

* 1.1. Khái niệm mối liên hệ và mối liên hệ phổ biến
  + Mối liên hệ: Là sự tác động qua lại lẫn nhau, ràng buộc, ảnh hưởng nhau, quy định sự tồn tại và phát triển lẫn nhau giữa các mặt trong cùng 1 SVHT hay giữa các SVHT với nhau

A, B: sự vật, hiện tượng (này / kia)

* + - Tác động qua lại lẫn nhau: Ít nhất 2A trở lên. Khi A tác động lên B thì B tác động trở lại A một cách tương ứng
    - Ràng buộc, ảnh hưởng nhau: Khi A thay đổi kéo theo B thay đổi
    - Quy định lẫn nhau: Khi A mất đi thì B cũng mất đi. Sự tồn tại của A có vai trò, vị trí nhất định đối với sự tồn tại của B
  + Mối liên hệ phổ biến: Là mối liên hệ diễn ra ở mọi SVHT của thế giới
* 1.2. Tính chất của mối liên hệ (3 tính chất)
  + Tính khách quan của mối liên hệ
    - tức là không phụ thuộc vào ý thức của con người
  + Tính phổ biến của mối liên hệ
    - tức là ở không gian / thời gian / SVHT nào cũng có mối liên hệ
  + Tính đa dạng, phong phú của mối liên hệ
    - tức là ở không gian / thời gian / SVHT khác nhau thì mối liên hệ khác nhau
* 1.3. Ý nghĩa phương pháp luận
  + (?8) Cơ sở lý luận
    - Những nhà triết học siêu hình cho rằng giữa các sự vật và hiện tượng trong thế giới
    - chúng không có liên hệ với nhau, tách rời nhau, cái nào riêng cái ấy, cái này bên cạnh cái kia, nếu chúng có liên hệ với nhau thì cũng chỉ là mối liên hệ bên ngoài.
    - Xuất phát từ quan điểm, thế giới thống nhất ở tính vật chất, có chung một nguồn gốc.
    - Triết học duy vật biện chứng khẳng định: các sự vật, hiện tượng trong quá trình tồn tại chúng đều nằm trong mối liên hệ với nhau: gắn kết, ràng buộc, tác động qua lại lẫn nhau. Những mối liên hệ ấy không những chỉ xảy ra giữa sự vật này với sự vật khác mà ngay trong bản thân một sự vật, hiện tượng cũng có mối liên hệ.
  + Tôn trọng quan điểm toàn diện
    - Khi nhận thức 1 SVHT nào đó, phải đặt SVHT đó trong tổng thể mối liên hệ. Càng nhận thức được nhiều mối liên hệ bao nhiều, sai lầm càng thấp bấy nhiêu
  + Tôn trọng quan điểm lịch sử cụ thể
    - Khi nhận thức 1 SVHT nào đó, phải đặt SVHT đó đúng không gian thời gian của nó

**2. Nguyên lý về sự phát triển**

(?9) Nguyên lý về sự phát triển là nguyên tắc lý luận mà trong đó khi xem xét sự vật, hiện tượng khách quan phải luôn đặt chúng vào quá trình luôn luôn vận động và phát triển (vận động tiến lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn của sự vật)

* 2.1. Khái niệm về sự phát triển
  + Phát triển: là một hình thức vận động theo chiều hướng tiến lên
* 2.2. Tính chất của sự phát triển (giống y chang mối liên hệ, có gì lên trên xem)
  + Tính khách quan
  + Tính phổ biến
  + Tính đa dạng - phong phú
* 2.3. Ý nghĩa của sự phát triển
  + Tôn trọng quan điểm phát triển
    - Khi nhận thức 1 SVHT nào đó, phải đặt SVHT trong điều kiện và khuynh hướng của sự phát triển để nắm vững sự vận động và phát triển của SVHT
  + Chống tư tưởng bảo thù, trì trệ
    - Không đổi mới tư duy, không thích ứng với sự vận động phát triển → kìm hãm sự phát triển của con người, xã hội

**III. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng**

**1. Cái chung và cái riêng**

* 1.1. Phạm trù cái chung, cái riêng
  + Cái riêng: là dùng để chỉ 1 sự vật, 1 hiện tượng, 1 quá trình riêng nhất định
  + Cái chung: là dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính chung được lặp lại trong nhiều SVHT hay quá trình riêng lẻ khác
  + Cái đơn nhất: là dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính chỉ tồn tại ở một SVHT hay quá trình riêng lẻ nhất định
  + Phụ thuộc vào hệ quy chiếu mà 1 vật có thể là cái chung hoặc cái đơn nhất
  + Cái chung vs cái đơn nhất:
    - Đều là những thuộc tính của cái riêng
    - Thuộc tính lặp lại ở nhiều cái riêng → cái chung
    - Thuộc tính tồn tại ở 1 cái riêng → cái đơn nhất
* 1.2. Mối quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng
  + Thứ nhất, cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua cái riêng mà biểu hiện sự tồn tại của mình
  + Thứ hai, cái riêng chỉ tồn tại trong mối quan hệ đưa đến cái chung
  + Thứ ba, Cái riêng là cái toàn bộ, phong phú hơn cái chung, cái chung là cái bộ phận, nhưng sâu sắc hơn cái riêng.
  + Thứ tư, Cái đơn nhất và cái chung có thể chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình phát triển của sự vật.
  + Tùy thuộc vào hệ quy chiếu, vào mối liên hệ mà cái chung nằm ở đâu so với cái riêng, cái chung và cái riêng tồn tại và tác động lẫn nhau.
  + Cái chung, cái riêng và cái đơn nhất chỉ mang tính chất tương đối
  + Cái chung có thể nằm ngoài cái riêng nhưng khi xét trong mối quan hệ khác
* 1.3. Ý nghĩa phương pháp luận
  + Để phát hiện cái chung cần xuất phát từ những cái riêng
  + Vì cái chung là một bộ phận của cái riêng nên khi áp dụng vào cái riêng cần được cụ thể hoá chứ không nên rập khuôn. Ngược lại, nếu xem thường cái chung, chỉ chú ý cái riêng thì trong hoạt động thực tiễn sẽ rơi vào tình trạng mò mẫm, tùy tiện, mất phương hướng

**2. Nguyên nhân và kết quả**

* 2.1. Phạm trù nguyên nhân và kết quả
  + Nguyên nhân: Là chỉ sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong một SV hay giữa các SV với nhau, gây ra những biến đổi nhất định
  + Kết quả: Là những biến đổi xuất hiện do sự tác động lẫn nhau của các mặt trong một SV hoặc giữa các SV với nhau gây ra.
* 2.2. Quan hệ biện chứng giữa nguyên nhân và kết quả
* (?10)
  + Mối quan hệ: khách quan, bao hàm tính tất yếu:
    - Không có nguyên nhân nào không dẫn tới kết quả nhất định và ngược lại
  + Nguyên nhân sinh ra kết quả, nguyên nhân có trước kết quả
  + 1 nguyên nhân có thể sinh ra 1 hoặc nhiều kết quả, 1 kết quả có thể do 1 hoặc nhiều nguyên nhân tạo nên
  + Nguyên nhân sản sinh ra kết quả. Kết quả ảnh hưởng tích cực ngược trở lại đối với nguyên nhân.
  + Nguyên nhân và kết quả có thể đổi vị trí cho nhau (vòng lặp)
    - Trong một chuỗi quan hệ nhân quả, không có nguyên nhân đầu tiên, ko không có kết quả cuối cùng
* 2.3. Ý nghĩa phương pháp luận
  + Không thể phủ nhận mối quan hệ nhân quả
  + Phải phân biệt chính xác các loại nguyên nhân
  + Phải nhìn nhận một cách khách quan toàn diện và lịch sử cụ thể
  + Nguyên nhân có trước kết quả, do đó muốn tìm KQ phải tìm NN

**3. Tất nhiên và ngẫu nhiên**

* 3.1. Phạm trù tất nhiên và ngẫu nhiên
  + Tất nhiên: Là cái do những nguyên nhân cơ bản, bên trong của kết cấu vật chất quyết định và trong những điều kiện nhất định phải xảy ra như thế không thể khác được
  + Ngẫu nhiên: Là cái do các nhân tố bên ngoài, do sự ngẫu hợp nhiều hoàn cảnh bên ngoài quyết định
  + Thầy trò gặp nhau ở lớp học là tất nhiên → vì có thầy trò mới có lớp học
* 3.2. Quan hệ biện chứng giữa tất nhiên và ngẫu nhiên
* (?11)
  + Tất nhiên chi phối sự vận động và phát triển của SVHT
  + Ngẫu nhiên ảnh hướng tới SHVT phát triển nhanh / chậm
  + Cả hai không tồn tại bất biến mà thường xuyên thay đổi, phát triển và trong những điều kiện nhất định, chúng chuyển hoá lẫn nhau → Tất nhiên và ngẫu nhiên mang tính chất tương đối
* 3.3. Ý nghĩa phương pháp luận
  + Vì cái tất nhiên là tất yếu → Trong hoạt động thực tiễn ta phải dựa vào cái tất nhiên
  + Tuy ngẫu nhiên chỉ xảy ra hoặc không → Không nên xem nhẹ ngẫu nhiên
  + Tất nhiên và ngẫu nhiên có thể chuyển hóa cho nhau → Tùy theo mục đích mà chúng ta tạo ra điều kiện cần thiết cho quá trình đó diễn ra

**4. Nội dung và hình thức**

* 4.1. Phạm trù nội dung và hình thức
  + Tốt gỗ hơn tốt nước sơn → không nói lên nội dung / hình thức vì:
    - Nội dung bên trong
    - Hình thức = trong + ngoài
  + Nội dung là phạm trù triết học dùng để chỉ tất cả cái gì cấu tạo nên SVHT → nội dung
  + Hình thức là phạm trù triết học dùng để chỉ sự sắp xếp các yếu tố thuộc về nội dung, là phương thức tồn tại và phát triển của sự vật
  + Nhìn thấy được nó, cân đo đong đếm được → hình thức
  + Xé một trang sách → thay đổi nội dung
  + Xé nhiều trang sách, thay đổi ko còn là quyển sách → thay đổi hình thức
* 4.2. Quan hệ biện chứng giữa nội dung và hình thức

(?13)

* + Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức: Không có nội dung nào tồn tại mà không thông qua hình thức, không có hình thức nào tồn tại mà không chứa đựng nội dung
  + Vai trò quyết định của nội dung so với hình thức trong quá trình vận động, phát triển của sự vật: Nội dung thường xuyên thay đổi, còn hình thức thì tương đối ổn định
  + Sự tác động của hình thức: Hình thức do nội dung quyết định nhưng có tính độc lập tương đối và tác động ngược trở lại nội dung (theo 2 hướng thúc đẩy / kìm hãm sự phát triển)
* 4.3. Ý nghĩa PPL
  + Không được tuyệt đối hóa một mặt
  + Khi xem xét một vật, hiện tượng cần căn cứ vào nội dung của nó, và muốn biến đổi sự vật, hiện tượng thì cần tác động để thay đổi nội dung của nó
  + Trong thực tiễn, cần thường xuyên đối chiếu giữa nội dung và hình thức

**5. Bản chất và hiện tượng**

* 5.1. Phạm trù bản chất và hiện tượng
  + Bản chất: tổng hợp những mặt, những mối liên hệ tất nhiên, tương đối ổn định bên trong SV quy định sự vận động phát triển của SV đó
  + Hiện tượng: là biểu hiện bên ngoài của vật chất
  + Bản chất là cái bên trong và ổn định, hiện tượng là cái bên ngoài và thường thay đổi
  + VD:
    - Bản chất: tốt, lương thiện
    - Hiện tượng: giúp đỡ mọi người
* 5.2. Quan hệ biện chứng giữa bản chất và hiện tượng

(?14)

* + Tồn tại khách quan
  + Gắn bó chặt chẽ với nhau
  + Vừa thống nhất vừa đối lập
    - Thống nhất:
      * Bản chất bộc lộ thông qua hiện tượng, hiện tượng là biểu hiện của bản chất. Không có bản chất tách rời hiện tượng, không có hiện tượng không biểu hiện vật chất
      * Bản chất thay đổi → hiện tượng thay đổi theo
    - Độc lập:
      * Bản chất là cái chung, cái tất yếu, còn hiện tượng là cái riêng biệt, phong phú, đa dạng
      * Bản chất là cái bên trong, hiện tượng là cái bên ngoài
      * Bản chất tương đối ổn đinh, hiện tượng thưởng xuyên thay đổi
* 5.3. Ý nghĩa phương pháp luận
  + Muốn nhận thức được bản chất phải thông qua hiện tượng
  + Không chỉ nhận thức ở hiện tượng mà phải nhận thức được bản chất của SV

**6. Khả năng và hiện thực**

* 6.1. Phạm trù khả năng và hiện thực
  + Khả năng: cái chưa xuất hiện, tồn tại, là cái hiện thực chưa có
  + Hiện thực: là những gì hiện có, đang tồn tại trong thực tế / tư duy
  + VD:
    - Khả năng: Ở KTX
    - Hiện thực: Ở chung cư
* 6.2. Quan hệ biện chứng giữa khả năng và hiện thực

(?15)

* + Khả năng và hiện thực có MQH chặt chẽ, không tách rời
  + Trong cùng điều kiện, 1 SV có thể tồn tại nhiều khả năng
  + Để khả năng biến thành hiện thực cần tập hợp nhiều điều kiện
  + (Khả năng có thể thành hiện thực, hiện thực chứa đựng khả năng mới)
* 6.3. Ý nghĩa phương pháp luận
  + Trong thực tiễn, phải dựa vào hiện thực
  + Không tuyệt đối hóa một mặt nào
  + Việc chuyển từ khả năng → hiện thực cần có nỗ lực, hành động phù hợp

**IV. Ba quy luật cơ bản của phép BCDV**

**1. Quy luật lượng - chất**

* Khái niệm:
  + Chất: chỉ những thuộc tính vốn có của SVHT, là sự thống nhất hữu cơ của các thuộc tính, yếu tố làm cho sự vật là nó chứ không phải là cái khác
  + Lượng: chỉ tính quy định khách quan vốn có của SVHT về mặt số lượng, qua mô, trình độ, nhịp điệu của sự VĐ và PT
* Nội dung quy luật (MQH lượng - chất):
  + (?16) Mọi SVHT đều là sự thống nhất giữa lượng và chất, sự thay đổi dần về lượng trong khuôn khổ của độ tới điểm nút sẽ làm thay đổi chất của sự vật thông qua bước nhảy, chất mới ra đời tác động trở lại sự thay đổi của lượng mới, tạo thành quá trình vận động phăt triển liên tục của sự vật
    - Độ: là khoảng giới hạn mà trong đó sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản chất của SVHT
    - Điểm nút: là thời điểm mà tại đó sự thay đổi về lượng đã có thể làm thay đổi chất của sự vật
    - Bước nhảy: là sự chuyển hóa về chất của sự vật do những sự thay đổi về lượng gây nên
  + (Sự thay đổi về chất dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại)
* Ý nghĩa:
  + Phải biết tích luỹ về lượng để có biến đổi về chất, không nôn nóng hay “đốt cháy giai đoạn”
  + Không được thụ động, phải linh hoạt trong thực hiện hình thức của bước nhảy
  + Phải biết lựa chọn phương pháp phù hợp để tác động vào phương thức liên kết trên cơ sở hiểu rõ bản chất, quy luật

**2. Quy luật mâu thuẫn (thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập)**

* Khái niệm
  + Mặt đối lập: là những mặt có khuynh hướng biến đổi ngược chiều nhau
  + Mâu thuẫn: chỉ MLH thống nhất, đấu tranh và chuyển hóa giữa các mặt đối lập của mỗi SVHT hoặc giữa các SVHT với nhau
  + Sự thống nhất của các mặt đối lập: là sự nương tựa nhau cùng tồn tại giữa các mặt đối lập
  + Sự đấu tranh của các mặt đối lập: xu hướng bài trừ, phủ định (loại bỏ) nhau
  + Vị trí của quy luật: là “hạt nhân" của phép biện chứng, chỉ ra nguồn gốc, động lực cơ bản của sự vận động, phát triển của mọi sự vật, hiện tượng trong tự nhiên, xã hội và tư duy.
* Nội dung:
  + (?17) Mọi sự vật, hiện tượng đều chứa đựng những mặt, những khuynh hướng đối lập tạo thành những mâu thuẫn trong bản thân nó, sự thống nhất và đấu tranh của các mặt đối lập là nguồn gốc của sự vận động và phát triển, làm cho cái cũ mất đi cái mới ra đời.
  + Sự thống nhất của các mặt đối lập: là sự nương tựa nhau cùng tồn tại giữa các mặt đối lập
    - Thứ nhất, các mặt đối lập cần đến nhau, nương tựa vào nhau, làm tiền đề cho nhau tồn tại, không có mặt này thì không có mặt kia
    - Thứ hai, các mặt đối lập tác động ngang nhau, cân bằng nhau thể hiện sự đấu tranh giữa cái mới đang hình thành với cái cũ chưa mất hẳn
    - Thứ ba, giữa các mặt đối lập có sự tương đồng, đồng nhất do trong các mặt đối lập còn tồn tại những yếu tố giống nhau.
  + Sự đấu tranh của các mặt đối lập: xu hướng bài trừ, phủ định (loại bỏ) nhau
  + Gồm 3 giai đoạn: khác nhau → mâu thuẫn → giải quyết mâu thuẫn
  + Mâu thuẫn là nguồn gốc sự vận động và phát triển
    - Mâu thuẫn biện chứng:
      * vừa đấu tranh vừa thống nhất giữa các mặt đối lập
      * Sự thống nhất: là tạm thời, tương đối
      * Sự đấu tranh: là trạng thái tuyệt đối
    - vd: sản xuất & tiêu dùng / trong lớp học: dạy >< học: truyền tải kiến thức & tiếp thu kiến thức
* Phân loại mâu thuẫn
  + trong / ngoài (1 sự vật / các sự vật khác nhau (mang tính tương đối))
  + cơ bản / không cơ bản (quy định bản chất sự vật / đặc trưng cho 1 phương diện nào đó, chưa nói lên bản chất)
  + chủ yếu / thứ yếu (tồn tại suốt quá trình tồn tại, thứ nổi bật / tồn tại 1 thời điểm nào đó)
  + đối kháng / không đối kháng (đấu tranh giai cấp / nội bộ trong 1 nước, 1 giai cấp)
* Ý nghĩa phương pháp luận
  + Thừa nhận tính khách quan của mâu thuẫn
  + Cần phân tích mâu thuẫn → giải quyết

**3. Quy luật phủ định của phủ định**

* Khái niệm
  + Phủ định
    - Là trạng thái này thay thế trạng thái sau
    - Theo chiều hướng tiến lên, tiến bộ hoặc thụt lùi, đi xuống
  + Phủ định biện chứng
    - Là dùng để chỉ sự phủ định tự thân, là mắt khâu trong qua trình dẫn tới sự tiến bộ so với sự vật cũ
    - Có tính khách quan và tính kế thừa (đi lên)
  + Phủ định siêu hình
    - Là phủ định làm cho sự vật thụt lùi, đi xuống, tan rã
      * vd: đám cháy càn quét rừng
  + Phủ định của phủ định: Trải qua ít nhất 2 lần phủ định
    - vd: trứng→nòng nọc→ếch→trứng→…

**cho dù có phủ định thì nó vẫn là nó, chỉ thay đổi hình thức biểu hiện**

phủ định không đông nhất với đấu tranh, là một hình thức của đấu tranh

hết mưa là nắng hửng lên thôi, hết khổ là vui vốn lẽ đời

* Nội dung
  + (?18) quy luật phủ định của phủ định phản ánh mối liên hệ, sự kế thừa thông qua khâu trung gian giữa cái bị phủ định và cái phủ định; do có kế thừa nên phủ định biện chứng không phải là sự phủ định sạch trơn mà là điều kiện cho sự phát triển, nó lưu giữ nội dung tích cực của các giai đoạn trước, lặp lại một số đặc điểm chủ yếu của cái ban đầu trên cơ sở mới cao hơn; do vậy, sự phát triển có tính chất tiến lên không hẳn theo đường thẳng, mà theo đường xoắn ốc đi lên
  + Mọi SVHT vận động & phát triển qua nhiều lần phủ định, theo chu kỳ
  + Khuynh hướng của sự phát triển → “Xoắn ốc đi lên”
    - Dường như lặp lại nhưng ở trạng thái cao hơn
* Ý nghĩa phương pháp luận
  + Phải có thái độ ủng hộ cái mới
  + Cần chống 2 khuynh hướng
    - Thái độ phủ định sạch trơn SV cũ
    - Thái độ bảo thủ
  + Không quá lạc quan khi thành công, bi quan khi thất bại

**V. Lý luận nhận thức**

chân lý là tri thức của con người phản ánh phù hợp với hiện thực A, bản chất của A không là chân lý

**1. Thực tiễn, nhận thức, vai trò thực tiễn đối với nhận thức**

* Thực tiễn: toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích → nhằm cải biến tự nhiên và xã hội (cải biến thế giới khách quan)
* Các hình thức của thực tiễn
  + HĐ sản xuất vật chất (cơ bản):
    - con người sử dụng công cụ → tạo ra vật chất
    - Do trình độ của con người quyết định
  + HĐ chính trị - xã hội
    - hoạt động các tổ chức chính trị từ trung ương đến địa phương
  + (?19) HĐ thực nghiệm khoa học
    - tạo ra môi trường giống / gần giống với tự nhiên → khám phá bản chất SVHT
    - Là một hình thức đặc biệt của thực tiễn
    - Ngày càng đóng vai trò quan trọng trong thời đại ngày nay, khi cách mạng khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão
    - Ảnh hưởng quan trọng tới sản xuất vật chất

→ Nhằm cải biến xã hội, thay đổi bản chất TNXH → phục vụ con người

* Nhận thức và các hình thức của nhận thức
  + Nhận thức
    - Là quá trình phản ánh tích cực, tự giác và sáng tạo thế giới khách quan vào bộ óc con người
    - 2 cấp độ trình độ nhận thức
      * Nhận thức kinh nghiệm - nhận thức lý luận
      * Nhận thức thông thường - nhận thức khoa học

→ Mang tính tương đối

* + - Nhận thức từ trực quan sinh động → tư duy trừu tượng
* (?20) Vai trò thực tiễn đối với nhận thức
  + Là cơ sở của nhận thức:
    - Con người tác động vào thế giới, buộc thế giới bộc lộ những thuộc tính, quy luật để con người nhận thức
  + Là động lực, mục đích của nhận thức
    - Thực tiễn làm cho giác quan, tư duy phát triển, giúp nhận thức thế giới
    - Nhận thức phục vụ thực tiễn
  + Là tiêu chuẩn của chân lý
    - Qua thực tiễn kiểm nghiệm tính đúng đắn

**2. Con đường biện chứng nhận thức**

* (?21) Con đường nhận thức đi:
  + Từ trực quan sinh động → tư duy trừu tượng
  + Từ tư duy trừu tượng → thực tiễn
  + Xét các giai đoạn:
    - Nhận thức cảm tính (trực quan sinh động):
      * phản ánh trực tiếp khách thể
      * thông qua các giác quan: cảm giác, tri giác, biểu tượng
    - Nhận thức lý tính (tư duy trừu tượng):
      * phản ánh khái quát, gián tiếp về hiện thực khách quan
      * thông qua 3 hình thức
        + khái niệm
        + phán đoán
        + suy lý
* Chân lý và vai trò của chân lý đối với nhận thức:
  + Chân lý: là tri thức phù hợp với hiện thực khách quan (thông quan thực tiễn kiểm nghiệm)
  + Tính chất
    - Khách quan
    - Cụ thể
    - Tính tương đối và tuyệt đối
  + Giai đoạn nhận thức:
    - Nhận thức cảm tính (trực quan sinh động):
      * phản ánh trực tiếp khách thể
      * thông qua các giác quan: cảm giác, tri giác, biểu tượng
    - Nhận thức lý tính (tư duy trừu tượng):
      * phản ánh khái quát, gián tiếp về hiện thực khách quan
      * thông qua 3 hình thức
        + khái niệm
        + phán đoán
        + suy lý

***CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ***

**I. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội**

* Hình thái kinh tế - xã hội: là một phạm trù cơ bản của CNDVLS dùng để chỉ xã hội ở từng nấc thang lịch sử nhất định với một kiểu QHSX đặc trưng cho xã hội đó, phù hợp với một trình độ nhất định của LLSX và một KTTT tương ứng được xây dựng trên QHSX ấy

(?30) Sự phát triển các hình thái kinh tế – xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên:

* Ba yếu tố cơ bản: LLSX - QHSX(CSHT) và KTTT tác động biện chứng, tạo nên sự vận động, phát triển của lịch sử xã hội, thông qua sự tác động tổng hợp của hai quy luật cơ bản:
  + Quy luật QHSX phù hợp với trình độ của LLSX
  + Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa CSHT và KTTT của xã hội.

(?26) Đặc điểm đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

* đấu tranh giai cấp là tất yếu, do chính các đặc điểm kinh tế - xã hội của thời kỳ quá độ quy định
* mục tiêu cuối cùng của cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội chưa hoàn thành
* những tàn dư về tư tưởng, tâm lý và tập quán lạc hậu, … còn tồn tại.
* diễn ra trong điều kiện mới với những thuận lợi rất cơ bản song cũng có không ít các khó khăn (KT-XH, giai cấp-địa vị)
* Nội dung: thực hiện thắng lợi mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

**1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội**

* Sản xuất: là hoạt động không ngừng sáng tạo ra giá trị vật chất và tinh thần
* SX là hoạt động đặc trưng riêng có của con người
* SX = người + đối tượng + công cụ
* Các loại: Người, đối tượng, công cụ, sản phẩm lao động
* Tư liệu lao động = công cụ + yếu tố khác
* Thể hiện trình độ chinh phục tự nhiên của con người ngày càng cao
* **Hoạt động SXVC nói lên con người được gọi là con người**
* Sản xuất vật chất: là quá trình con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, cải biến các dạng vật chất của giới tự nhiên
* (?22) Vai trò của sxvc
  + Cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội
    - Tạo ra tư liệu sinh hoạt
    - Tiền đề của mọi hoạt động lịch sử
    - Là điều kiện chủ yếu sáng tạo ra con người xã hội

**2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất**

* 2.1. Phương thức sản xuất
  + Khái niệm: Là cách thức con người thực hiện quá trình SXVC
  + Kết cấu: Sự thống nhất giữa lực lượng sản xuất với một trình độ nhất định và quan hệ sản xuất
  + Phương thức sản xuất
    - Lực lượng sản xuất:
      * Là mối quan hệ giữa con người với tự nhiên (cụ thể là con người với tư liệu sản xuất)
      * Con người đóng vai trò quyết định
    - Quan hệ sản xuất:
      * Là mối quan hệ giữa con người với con người trong SX
      * Gồm
        + Quan hệ sở hữu (đóng vai trò quyết định)
        + Quan hệ quản lý
        + Quan hệ phân phối
      * Mối quan hệ giữa thầy - trò không phải là QHSX mà là LLSX, vì con người thuộc về đối tượng lao động nên ở đây con người được xem là thuộc về tự nhiên
      * QHSX: giữa người LĐ - người LĐ, người sử dụng LĐ - người LĐ
  + Tính chất và trình độ của LLSX
    - Tính chất
      * Tính chất cá nhân (vd: công ty tư nhân)
      * Tính chất xã hội
    - Trình độ
      * Công cụ lao động
      * Tổ chức lao động
      * Ứng dụng khoa học vào SX
      * Người lao động
      * Phân công lao động
* 2.2. Quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX
  + Vị trí: Là quy luật cơ bản nhất của sự vận động và phát triển lịch sử xã hội
  + (?23) Nội dung: LLSX và QHSX là hai mặt của một phương thức sản xuất, tác động biện chứng, trong đó:
    - LLSX quyết định QHSX
    - QHSX tác động trở lại LLSX
  + Vai trò quyết định của LLSX
    - Tại sao LLSX quyết định QHSX:
      * LLSX có tính năng động và phát triển
    - Nội dung
      * LLSX quyết định sự ra đời QHSX
      * LLSX quyết định nội dung, tính chất QHSX
  + Sự tác động trở lại của QHSX
    - Tại sao QHSX tác động trở lại LLSX
      * QHSX là hình thức xã hội của quá trình sản xuất
    - Nội dung
      * Tác động 2 chiều: Thúc đẩy / kìm hãm sự phát triển của LLSX
      * Trạng thái vận động của mâu thuẫn biện chứng
        + Phù hợp → không phù hợp → phù hợp mới cao hơn → …
      * Giải quyết mâu thuẫn LLSX và QHSX thông qua đấu tranh giai cấp, đặc biệt là cách mạng xã hội

LLSX thường xuyên thay đổi, có tính năng động

QHSX thay đổi chậm về tính chất, nội dung, có tính ổn định

**3. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng**

* 3.1. Khái niệm
  + Cơ sở hạ tầng:
    - Là toàn bộ quan hệ SX hợp thành cơ cấu kinh tế của 1 xã hội nhất định
    - Gồm:
      * QHSX thống trị (đóng vai trò quyết định)
      * QHSX tàn dư
      * QHSX mầm mống
  + Kiến trúc thượng tầng:
    - Là toàn bộ hệ thống quan điểm (chính trị, pháp quyền, triết học, tôn giáo, …) gắn liền với thiết chế xã hội tương ứng (như nhà nước, đảng phái, giáo hội, các đoàn thể giáo hội…) được hình thành trên CSHT nhất định
    - Gồm:
      * Tư tưởng
      * Thiết chế xã hội
* 3.2. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa CSHT và KTTT
  + Vị trí: 1 trong 2 quy luật cơ bản của sự vận động phát triển lịch sử xã hội
  + (?24) Nội dung:
    - CSHT và KTTT là 2 mặt cơ bản của xã hội, trong đó
      * CSHT quyết định KTTT
      * KTTT tác động trở lại CSHT
  + Vai trò quyết định của CSHT
    - Vì sao:
      * Từ quan hệ VC → quyết định quan hệ tinh thần
      * Từ tính tất yếu kinh tế → quyết định tính tất yếu chính trị - xã hội
    - Nội dung: CSHT quyết định
      * Sự ra đời KTTT
      * Cơ cấu KTTT
      * Tính chất KTTT
      * Sự vận động và phát triển KTTT
  + Sự tác động trở lại
    - Vì sao:
      * Do tính độc lập tương đối của KTTT, tính năng động, sáng tạo của ý thức, tinh thần
      * Do vai trò sức mạnh vật chất của bộ máy tổ chức - thể chế
    - Phương thức:
      * Tác động theo 2 chiều: thúc đẩy / kìm hãm sự phát triển của xã hội
      * KTTT chính trị (thiết chế xã hội) có vai trò lớn nhất do phản ánh trực tiếp CSHT, là biểu hiện tập trung của kinh tế

**II. Giai cấp và dân tộc**

**1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp**

* 1.1. Khái niệm giai cấp
  + Giai cấp: là những tập đoàn xã hội gồm những người khác nhau về địa vị trong một hệ thống sản xuất xã hội nhất định trong lịch sử
* 1.2. Nguồn gốc giai cấp
  + Sản phẩm của sự phân công lao động xã hội ngày càng tăng lên, dư thừa
  + Xuất hiện tư hữu TLSX
  + Sự phân chia giàu nghèo

→ Xuất hiện giai cấp thống trị và bị trị

* 1.3. Đấu tranh giai cấp và vai trò của nó
  + Khái niệm: Quần chúng bị áp bức → chống lại
    - Bọn đặc quyền
    - Bọn áp bức
    - Bọn ăn bám
  + Nguyên nhân:
    - Sâu xa: Mâu thuẫn
      * LLSX cao
      * QHSX lạc hậu
    - Trực tiếp: Mâu thuẫn
      * Lợi ích kinh tế
      * Lợi ích chính trị
      * Giai cấp thống trị và bị trị
  + Vai trò:
    - Động lực cho sự phát triển XH có giai cấp
    - Giải quyết mâu thuẫn giữa LLSX và QHSX
    - Phát triển thành CMXH → Thúc đẩy đời sống XH phát triển
* 1.4. Tính tất yếu của đấu tranh giai cấp trong TKQĐ lên CNXH
  + Trong CNTB, cuộc đấu tranh của công nhân làm thuê (giai cấp vô sản) chống những người hữu sản (giai cấp tư sản) là một tất yếu

**2. Dân tộc**

* 2.1. Khái niệm
  + Giai cấp là những tập đoàn người có địa vị kinh tế - xã hội khác nhau
  + Nhân loại là khái niệm dùng để chỉ toàn thể cộng đồng người sống trên trái đất
  + Dân tộc: là hình thức tổ chức cộng đồng có tính chất ổn định, được hình thành trong lịch sử; là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử xã hội
    - Hiểu theo nghĩa hẹp:
      * Cộng đồng người có:
        + Ngôn ngữ riêng (tiếng nói và chữ viết)
        + Nét văn hóa đặc thù
        + Ý thức cộng đồng dân tộc chung
    - Hiểu theo nghĩa rộng:
      * Là toàn bộ nhân dân 1 nước, quốc gia
      * Đặc trưng:
        + Quốc ngữ chung
        + Lãnh thổ chung
        + Phương thức sản xuất thống nhất
        + Bản sắc văn hóa đặc thù (lịch sử, văn hóa, ngôn ngữ, …)
* 2.2. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại
  + Quan hệ giai cấp - dân tộc
    - Giai cấp quyết định dân tộc
      * Quan hệ giai cấp quyết định khuynh hướng phát triển và tính chất của dân tộc
    - Vấn đề dân tộc có ảnh hưởng quan trọng đến vấn đề giai cấp
      * Đấu tranh giải phóng dân tộc là điều kiện, tiền đề cho đấu tranh giải phóng giai cấp
  + (?27) Quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại
    - Giai cấp - dân tộc - nhân loại có mối quan hệ biện chứng với nhau
    - Lợi ích nhân loại không tách rời với lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc
    - Sự tồn tại của nhân loại là tiền đề, điều kiện tất yếu của sự tồn tại dân tộc và giai cấp
* 2.3. Ý nghĩa
  + là cơ sở lý luận, PPL khoa học để nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại, đóng góp quan trọng vào phong trào cách mạng thế giới và tiến bộ xã hội trong thời đại hiện nay.
  + Là cơ sở lý luận để đấu tranh, phê phán các quan điểm sai lầm của các học giả tư sản và chủ nghĩa cơ hội về vấn đề này.

**III. Nhà nước và cách mạng xã hội**

**1. Nhà nước**

* Khái niệm: Là công cụ chuyên chính của một giai cấp, không phải để điều hòa mâu thuẫn giai cấp mà do mâu thuẫn giữa các giai cấp không thể điều hòa
* Nguồn gốc:
  + Nguyên nhân ra đời: KT&XH
  + Nhà nước thuộc về một giai cấp nhất định
  + Nhà nước sẽ tiêu vong trong xã hội văn minh
* Bản chất:
  + Nhà nước là một tổ chức chính trị của một giai cấp thống trị về mặt kinh tế nhằm bảo vệ trật tự, đàn áp giai cấp khác
* Đặc trưng:
  + Quản lý cư dân trên 1 vùng lãnh thổ nhất định
  + Có hệ thống cơ quan quyền lực mang tính cưỡng chế
  + Có hệ thống thuế khóa
* (?28) Chức năng:
  + Thống trị: nhà nước làm công cụ chuyên chính của một giai cấp nhằm bảo vệ sự thống trị giai cấp đó
  + Xã hội: nhà nước thực hiện sự quản lý những hoạt động chung vì sự tồn tại của xã hội
  + Đối nội: duy trì trật tự trong xã hội ở nhiều lĩnh vực (kinh tế, chính trị, xã hội, …)
  + Đối ngoại: bảo vệ lãnh thổ, các mối quan hệ với nước khác
* (?29) Các kiểu nhà nước:
  + NN chủ nô (chiếm hữu nô lệ)
  + NN phong kiến (phong kiến)
  + NN tư sản (tư bản chủ nghĩa)
  + NN vô sản / XHCN (cộng sản chủ nghĩa)
  + Nhà nước: chủ nô → phong kiến → tư sản → XHCN

**2. Cách mạng xã hội**

Là sự thay đổi xã hội cũ bằng xã hội mới phát triển hơn, tiến bộ hơn

* 2.1. Nguồn gốc
  + Nguồn gốc sâu xa: là mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất tiến bộ với quan hệ sản xuất lỗi thời, lạc hậu
  + Nguồn gốc trực tiếp: Đấu tranh giai cấp
    - Xuất phát từ lợi ích KT-XH không thể điều hòa
* 2.2. Bản chất
  + CMXH là sự thay đổi căn bản về chất toàn bộ các lĩnh vực trong đời sống xã hội
* 2.3. Phương pháp cách mạng
  + Phương pháp cách mạng bạo lực (phổ biến)
  + Phương pháp hòa bình
* 2.4. Vấn đề CMXH trên TG hiện nay
  + Xu hướng giữ cững độc lập tự chủ của quốc gia dân tộc, không phụ thuộc và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, đấu tranh cho dân chủ, hòa bình và tiến bộ xã hội đang diễn ra mạnh mẽ, ngày càng tỏ ra chiếm ưu thế
  + CMXH sẽ diễn ra dưới hình thức thay đổi dần dần các yếu tố, lĩnh vực của đời sống xã hội. Xã hội sau sẽ phát triển, tiến bộ hơn xã hội trước.

**IV. Ý thức xã hội**

**1. Tồn tại xã hội:**

* Khái niệm:
  + TTXH là mặt vật chất của đời sống XH
  + Bao gồm:
    - ĐK địa lý tự nhiên
    - ĐK dân số
    - Phương thức sản xuất (quan trọng I)

**2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp của YTXH**

* Khái niệm:
  + YTXH Là mặt tinh thần của đời sống XH
  + Bao gồm quan điểm tư tưởng, tình cảm, tâm trạng, truyền thống … nảy sinh từ TTXH và phản ánh TTXH trong những giai đoạn phát triển nhất định
* Kết cấu:
  + Tâm lý xã hội: toàn bộ tâm trạng, tình cảm, ước muốn, thói quen, phong tục, tập quán … phản ánh dựa trên TTXH
  + Hệ tư tưởng: hệ thống quan điểm, tư tưởng phản ảnh quy luật VĐ&PT của TN-XH
* Tính giai cấp:
  + Trong xã hội phân chia giai cấp, YTXH luôn mang tính giai cấp
  + Hệ tư tưởng của giai cấp thống trị chi phối các tầng lớp khác
  + YTXH mang tính dân tộc

**3. MQH giữa TTXH và YTXH**

* TTXH quyết định YTXH:
  + Nội dung của YTXH
  + Sự biến đổi của YTXH
  + Sự tồn tại của YTXH
* (?31) Tính độc lập tương đối và sự tác động trở lại của YTXH lên TTXH
  + YTXH thường lạc hậu hơn TTXH
  + YTXH có thể vượt trước TTXH
  + YTXH có tính kế thừa
  + YTXH tác động trở lại TTXH

**V. Triết học về con người**

* (?32) Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người
  + Theo C. Mác, thực chất của lao động bị tha hóa là quá trình lao động và sản phẩm của lao động từ chỗ để phục vụ con người, để phát triển con người đã bị biến thành lực lượng đối lập, nô dịch và thống trị con người.
* (?33) Trình bày quan điểm của triết học Mác - Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội
  + Theo quan điểm của triết học Mác - Lênin, xã hội giữ vai trò quyết định đối với cá nhân. Bởi vậy, thực chất của việc tổ chức xã hội là giải quyết quan hệ lợi ích nhằm tạo khả năng cao nhất cho mỗi cá nhân tác động vào mọi quá trình kinh tế, xã hội, cho sự phát triển được thực hiện.
* (?34) Trình bày mối quan hệ giữa lãnh tụ và quần chúng nhân dân trong lịch sử
  + Trong mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa quần chúng nhân dân và lãnh tụ, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định vai trò quyết định của quần chúng nhân dân, đồng thời đánh giá cao vai trò của lãnh tụ. Quần chúng nhân dân là lực lượng đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển của lịch sử xã hội, là động lực của sự phát triển đó. Lãnh tụ là người dẫn dắt, định hướng cho phong trào, thúc đẩy phong trào phát triển, do đó thúc đẩy sự phát triển của lịch sử xã hội.
* (?35) Trình bày nội dung vai trò của quần chúng nhân dân trong sự phát triển xã hội
  + là lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội
  + là động lực cơ bản của cách mạng xã hội
  + sáng tạo ra giá trị văn hóa tinh thần
* (?36+) **Trình bày vấn đề con người trong sự nghiệp đổi mới hiện nay**
  + Việc phát huy vai trò của con người để thực hiện mục tiêu giải phóng con người, xem con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự nghiệp đổi mới được Đảng Cộng sản Việt Nam quán triệt trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ kinh tế đến chính trị, từ giáo dục và đào tạo đến khoa học và công nghệ, từ lĩnh vực xã hội đến lĩnh vực văn hóa
  + Con người vừa là mục tiêu, vừa là nguồn gốc, động lực của sự phát triển xã hội, *chủ thể hoạt động sáng tạo lịch sử,* và đóng vai trò nguồn lực trọng yếu nhất
  + Mục tiêu đề ra cho mỗi con người: phát triển đất nước với tinh thần yêu nước, ý thức tập thể, lối sống lành mạnh, lao động chăm chỉ, thường xuyên học tập
* (?37+) **Trình bày vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam**
  + Tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng nhân dân lao động, giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, tư tưởng về con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng, tư tưởng về phát triển con người toàn diện. Giải phóng nhân dân lao động gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, bởi ở Việt Nam quyền lợi của nhân dân lao động thống nhất với quyền lợi của giai cấp và dân tộc.
  + Mục tiêu: phát triển đất nước với tinh thần yêu nước, đoàn kết, đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc

**1. Khái niệm con người**

* Là một thực thể thống nhất giữa mặt sinh vật với mặt xã hội

**2. Bản chất con người**

* Là tổng hòa những MQH xã hội
* Các MQH cơ bản
  + Gia đình
  + Xã hội
  + Nhà trường

**3. Nhân cách con người**

* Là tổ hợp những thái độ riêng có của mỗi người được biểu hiện thông qua quan hệ hành động
* Cấu trúc nhân cách
  + Thế giới quan
  + Năng lực, trình độ
  + Tâm hồn

**(2) Ý nghĩa PPL về vận động**:

Quan niệm của phép biện chứng duy vật về vận động của vật chất đòi hỏi phải quán triệt quan điểm vận động vào nhận thức và thực tiễn. Quan điểm vận động đòi hỏi phải xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng trong quá trình vận động, đồng thời khi tiến hành cải tạo sự vật, hiện tượng phải thông qua những hình thức vận động vốn có, đặc trưng của chúng. Nhận thức các hình thức vận động của vật chất thực chất là nhận thức bản thân thế giới vật chất.

**(3) Ý nghĩa PPL nguồn gốc ý thức**:

Là kết quả của quá trình tiến hóa lâu dài của giới tự nhiên, của lịch sử trái đất, đồng thời là kết quả trực tiếp của thực tiễn xã hội - lịch sử của con người; trong đó, nguồn gốc tự nhiên là điều kiện cần, còn nguồn gốc xã hội là điều kiện đủ để ý thức hình thành, tồn tại và phát triển. Nếu chỉ nhấn mạnh mặt tự nhiên mà quên đi mặt xã hội, hoặc ng­ược lại chỉ nhấn mạnh mặt xã hội mà quên đi mặt tự nhiên của nguồn gốc ý thức đều dẫn đến những quan niệm sai lầm, phiến diện của chủ nghĩa duy tâm hoặc duy vật siêu hình, không thể hiểu được thực chất của hiện tượng ý thức, tinh thần của loài ng­ười nói chung, cũng như­ của mỗi người nói riêng.